

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ	1
I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT .	3
II. CƠ SỞ LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	4
2.1. Cơ sở pháp lý	4
2.2. Cơ sở thực tiễn, thông tin và bản đồ	4
PHẦN I ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN KINH TẾ XÃ HỘI.....	7
I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	7
1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên.....	7
1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên.....	8
1.3. Phân tích hiện trạng môi trường	11
1.4. Đánh giá chung	11
II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI.....	12
2.1. Tăng trưởng kinh tế.....	12
2.2. Thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực	12
2.2.1. Khu vực kinh tế nông - lâm - thủy sản	12
2.2.2. Khu vực kinh tế công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp	13
2.2.3. Khu vực kinh tế dịch vụ du lịch.....	14
PHẦN II ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH KẾ HOẠCH ĐẤT KỲ TRƯỚC	15
I. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT.....	15
1.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất.....	15
1.1.1. Đất nông nghiệp.....	15
1.1.2. Đất phi nông nghiệp.....	16
1.1.3 Đất chưa sử dụng	20
II. BIẾN ĐỘNG SỬ DỤNG ĐẤT THEO TỪNG LOẠI ĐẤT TRONG QUY HOẠCH KỲ TRƯỚC	20
III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ TRƯỚC	25
3.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước .	25
3.1.1 Đất nông nghiệp.....	28
3.1.2 Đất phi nông nghiệp.....	29
3.1.3 Đất chưa sử dụng	31
3.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước	31
3.2.1. Những mặt đạt được	31
3.2.2. Những hạn chế, tồn tại.....	32
3.2.3. Nguyên nhân của hạn chế, tồn tại.....	32
3.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới	32

PHẦN III PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	
ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050.....	34
I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT	34
1.1. Khát quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.....	34
1.1.1. Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội.....	34
1.1.2. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội	34
1.2. Quan điểm sử dụng đất	35
1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng	35
1.3.1 Định hướng sử dụng đất nông nghiệp	35
1.3.2 Định hướng sử dụng đất phi nông nghiệp	37
II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	40
2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội	40
2.1.1. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.....	40
2.1.2. Chỉ tiêu quy hoạch phát triển các ngành kinh tế	41
2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng	42
2.2.1. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực(thêm phần mới bổ sung, đc so qh cũ)	42
2.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất	47
2.4. Tầm nhìn đến năm 2050	49
2.4.1. Đất nông nghiệp:.....	49
2.4.2. Đất phi nông nghiệp:	50

ĐẶT VẤN ĐỀ

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất là một trong những nội dung quan trọng trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai. Điều chỉnh quy hoạch nhằm phân bổ và khoanh vùng đất đai theo không gian sử dụng cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu trên cơ sở tiềm năng đất đai và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực đối với từng đơn vị hành chính trong khoảng thời gian xác định.

Trong những năm vừa qua, căn cứ vào quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 được UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt tại Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 16/3/2023; công tác quản lý nhà nước về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và quản lý, sử dụng đất theo quy định, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và quy hoạch của các ngành; đồng thời thực hiện công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra việc quản lý sử dụng đất. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đảm bảo phân bổ và chủ động dành quỹ đất hợp lý cho phát triển, khắc phục các mâu thuẫn, chông chéo trong sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, đáp ứng nhu cầu đất đai để xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển công nghiệp, dịch vụ, chỉnh trang và xây dựng mới các khu dân cư đô thị, nông thôn; quản lý chặt chẽ việc chuyển đất sản xuất nông nghiệp sang các mục đích phi nông nghiệp;...theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tạo điều kiện cho nền kinh tế phát triển với tốc độ tăng bình quân cao.

Tuy nhiên, công tác lập, quản lý và thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất vẫn còn những tồn tại cần phải khắc phục như: khả năng dự báo còn chưa đầy đủ nên chất lượng quy hoạch chưa cao, chưa đáp ứng nhu cầu thực tế; sự gắn kết giữa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch ngành chưa đồng bộ; vị trí và quy mô diện tích của các công trình, dự án trong quy hoạch cũng thường bị thay đổi do tác động của cơ chế tài chính, chính sách giá đất bồi thường, giải phóng mặt bằng...

Đến thời điểm hiện nay, trong bối cảnh kinh tế - xã hội của cả nước nói chung, của huyện A Lưới nói riêng đã có những biến động nhất định; nhiều chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã được xây dựng phù hợp với thời kỳ mới, làm phát sinh, thay đổi nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện. Vì vậy, việc đáp ứng nhu cầu sử dụng đất hiện nay và những năm tiếp theo của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện là rất lớn, việc chuyển một phần diện tích đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp là nhu cầu thực tiễn.

Từ những lý do trên, Ủy ban nhân dân huyện A Lưới tiến hành lập dự án: **“Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế”**

II. CƠ SỞ LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Cơ sở pháp lý

- Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
- Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;
- Luật Quy hoạch đô thị ngày 01 tháng 01 năm 2010;
- Luật Xây dựng ngày 01 tháng 01 năm 2015;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;
- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Thông tư số 11/2021/TT-BTNMT ngày 6 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về định mức kinh tế - kỹ thuật lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;
- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thông kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hoá, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao;
- Công điện số 364/CD-TTg ngày 20/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy nhanh các tiến độ, nâng cao chất lượng lập quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

2.2. Cơ sở thực tiễn, thông tin và bản đồ

- Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 3 năm 2021 của HĐND huyện A Lưới về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025;
- Báo cáo số 432-BC/HU ngày 03 tháng 8 năm 2020 của Đảng bộ huyện A Lưới về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển kinh tế-xã hội bền vững, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc, giữ vững quốc phòng an ninh, xây dựng A Lưới ngày càng giàu đẹp, văn minh.
- Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 huyện A Lưới; tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Quyết định số 108/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Thừa Thiên Huế đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065;
- Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050;
- Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 5 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;
- Quyết định số 1622/QĐ-UBND ngày 26 tháng 08 năm 2013 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2013 - 2030;
- Quyết định số 2853/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án điều chỉnh Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 3050/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng, tượng, biểu tượng kiến trúc và vườn tượng trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 24 tháng 08 năm 2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 08 tháng 1 năm 2018 của UBND tỉnh Huế về việc phê duyệt Quy hoạch thủy lợi tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025 tầm nhìn 2035;

- Quyết định số 1261 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 1509/QĐ-UBND ngày 6 tháng 8 năm 2015 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt điều chỉnh một số nội dung quy hoạch cấp nước tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030;
- Quyết định số 1174/QĐ-UBND ngày 24 tháng 06 năm 2015 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt quy hoạch phát triển nghề truyền thống và làng nghề trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;
- Quyết định số 1136/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu A Đốt, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030;
- Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050;
- Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án “Khảo sát, đánh giá thực trạng cụm công nghiệp và định hướng phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2030;
- Quyết định số 1720/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050;
- Quyết định số 07/UBND ngày 03 tháng 01 năm 2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về quản lý, sử dụng các bến, bãi tập kết vật liệu xây dựng cát, sỏi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Công văn số 8274/UBND-ĐC ngày 09 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc triển khai thực hiện Chỉ thị 22/CT-TTg ngày 11/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp;
- Nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực và các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đến năm 2030, quy hoạch vùng, quy hoạch nông thôn mới của một số xã;
- Các tài liệu, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, số liệu thống kê, kiểm kê đất đai của huyện, các xã, thị trấn qua các năm;
- Niên giám thống kê huyện A Lưới năm 2021 đến năm 2023.

PHẦN I ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN KINH TẾ XÃ HỘI

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên

a) Vị trí địa lý

A Lưới là một huyện miền núi nằm về phía Tây của tỉnh Thừa Thiên Huế, có 80,683 km chiều dài đường biên giới quốc gia và tiếp giáp với biên giới nước bạn Lào. Được giới hạn trong tọa độ địa lý từ 16⁰⁰'00'' - 16¹⁶'30'' vĩ độ Bắc và 107⁰⁰'00'' - 107³⁰'00'' kinh độ Đông.

- Phía Đông giáp thị xã Hương Thủy, thị xã Hương Trà và huyện Nam Đông.
- Phía Tây giáp tỉnh Salavan và Sê Kông (nước CHDCND Lào)
- Phía Nam giáp huyện Tây Giang (tỉnh Quảng Nam)
- Phía Bắc giáp huyện Phong Điền (Thừa Thiên - Huế) và Đakrông (tỉnh Quảng Trị).

Từ thành phố Huế, đi theo Quốc lộ 49A khoảng 70 km về phía Tây sẽ tới thị trấn A Lưới, kết hợp với đường Hồ Chí Minh chạy dọc theo huyện lỵ là điều kiện để A Lưới giao lưu với bên ngoài, tạo cơ hội phát triển A Lưới thành một đô thị năng động vùng biên giới.

b) Địa hình, địa mạo

A Lưới thuộc kiểu địa hình uốn nếp nâng trung bình, có quá trình bào mòn, xâm thực và phân cắt mạnh. Độ cao trung bình của huyện A Lưới là 500 - 1.000 m, trong đó có một số đỉnh cao vượt trên 1400 m như: động Ngại (1.774 m), động A So (1.528 m), động A Nô (1.485 m). Do kết quả vận động kiến tạo mà hình thành nên ở đây một thung lũng sụt lún A So - A Lưới, chiều dài 25 - 30 km, chiều rộng khoảng 2 - 4 km và chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Đây là khu vực tập trung dân cư sinh sống chủ yếu của các dân tộc ở A Lưới.

c) Điều kiện khí hậu

Địa hình chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam kết hợp với độ cao trung bình từ 500 - 1.000 m nên huyện A Lưới chịu ảnh hưởng khí hậu nhiệt đới điển hình của miền Nam và có mùa Đông tương đối lạnh của miền Bắc: khí hậu duyên hải Bắc Trung Bộ sườn Đông Trường Sơn.

A Lưới chịu ảnh hưởng sâu sắc của khí hậu nhiệt đới gió mùa, mang lại nhiều thuận lợi về thời tiết khí hậu như chế độ ánh sáng, ẩm độ,... rất thích hợp cho cây trồng sinh trưởng và phát triển tốt. Tuy nhiên, hiện tượng thời tiết đặc biệt là bão, dông, lốc, mưa đá, lũ quét, gió Tây Nam khô nóng thường xảy ra gây trở ngại cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

d) Thủy văn

Lượng mưa hàng năm lớn nên mạng lưới sông suối ở A Lưới khá dày đặc. Trong khu vực có năm con sông chính là sông Hữu Trạch, sông Bò và sông A

Sáp, A Lin, Đa Krông... Sông Hữu Trạch, sông Bồ chảy về sông Hương rồi đổ ra biển Đông, còn sông A Sáp lại chảy sang Lào. Lưu vực sông A Sáp là nơi tập trung sinh sống của phần lớn dân cư huyện A Lưới. Con sông này bắt nguồn từ biên giới Việt Lào chảy dọc theo thung lũng A So - A Lưới đến xã Hồng Thượng dòng sông chuyển sang hướng Tây rồi chảy qua xã Hồng Thái, Quảng Nhâm sau đó hội lưu với sông A Lin chảy từ phía Bắc xuống ngay tại biên giới Việt Lào. Mặc dù lưu vực không lớn, nhưng sông A Sáp chảy qua nhiều xã, kết hợp với hàng chục con sông suối lớn nhỏ đã phục vụ đắc lực cho việc tưới tiêu cũng như sinh hoạt cho nhân dân trong huyện.

Thảm thực vật rừng che phủ tốt kết hợp với tầng đất dày, dễ thấm nước nên khả năng giữ nước tốt, nhờ vậy sông suối ít khô cạn.

1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên

a) Tài nguyên đất

Với tổng diện tích tự nhiên là 114.850,01 ha, chiếm $\frac{1}{4}$ diện tích của tỉnh Thừa Thiên Huế trong đó có 1.038,07 ha đất sông suối và mặt nước chuyên dùng. Diện tích đất đang sử dụng cho các mục đích là 113.939,98 ha, chiếm 99,21% so với tổng diện tích tự nhiên, còn lại 910,03 ha đất chưa sử dụng, chiếm 0,79%.

Với sự chi phối của nham thạch và địa hình nên ở A Lưới phát triển thành các loại đất khác nhau do các quá trình hình thành đất rất khác nhau:

+ Nhóm đất phù sa (Pb, Pi, Pk)

Được hình thành do sự bồi tụ của các con sông, phân bố chủ yếu ở địa hình có độ dốc cấp I và cấp II, thành phần cơ giới chủ yếu là thịt nhẹ, thịt trung bình. Do sự phân bố địa hình nên các sông trên địa bàn huyện thường ngắn, dốc tốc độ dòng chảy lớn vì vậy các sản phẩm bồi tụ thô, ít, diện tích không tập trung, chất lượng đất kém so với đất ở hạ lưu. Tuy nhiên đây vẫn là phần diện tích có giá trị nhất thích hợp cho sản xuất nông nghiệp ở huyện A Lưới. Hiện nay, diện tích này đang được sử dụng vào mục đích nông nghiệp với các loại cây trồng chính là cây lúa và các loại cây hoa màu khác.

+ Đất nâu vàng trên sản phẩm dốc tụ (F)

Diện tích nhỏ phân bố ở địa hình thấp trũng trong các thung lũng ở xã Hồng Vân, xã Trung Sơn. Là sản phẩm tích tụ của quá trình rửa trôi xói mòn. Thành phần cơ giới từ cát pha đến thịt nhẹ, hàm lượng dinh dưỡng khá, độ dày tầng đất từ 70 - 100 cm. Diện tích này rất thích hợp cho sản xuất nông nghiệp, đặc biệt trồng lúa cho năng suất cao.

+ Đất vàng nhạt trên đá cát (Fq)

Phân bố ở hầu hết các xã trong huyện, được phát triển trên nhiều loại đá mẹ khác nhau: granit, macma axit, trầm tích và biến chất,... Đá phong hóa yếu, có nhiều mảnh vụn nguyên sinh, trên cùng là lớp thảm mục hoặc bùn thô than bùn trên núi. Tỷ lệ mùn cao nhưng phân giải chậm, lân, kali nghèo. Nhìn chung đây là nhóm đất tốt, có khả năng trồng được cây công nghiệp ngắn và dài ngày như lạc, mía, cà phê, cao su,...

+ Đất đỏ vàng trên đá sét (Fs)

Được phát triển trên sản phẩm phong hoá của đá macma bazơ và trung tính, đá vôi. Phân bố ở địa hình tương đối cao đến bằng thoải lượn sóng. Đất có thành phần cơ giới từ thịt nặng đến trung bình thấp, tầng đất trung bình đến dày, thoát nước tốt. Nhóm đất này rất thích hợp cho trồng cây ăn quả, nông lâm kết hợp cao su, cà phê, hồ tiêu, mía, thông keo, màu,...

+ Đất nâu vàng trên phù sa cổ (Fp)

Có tầng dày canh tác lớn hơn 50 cm, thành phần cơ giới từ thịt trung bình đến thịt nặng. Loại đất này có màu nâu vàng, cấp hạt không đồng nhất, lớp trên cùng thường nhiều cát hơn lớp dưới. Địa hình có dạng lượn sóng và bát úp, tầng đất khô, hàm lượng các chất từ trung bình đến khá, mực nước ngầm nông. Trên nhóm đất này có thể trồng được nhiều loại cây trồng khác nhau từ cây ăn quả, cây lương thực và một số cây công nghiệp.

+ Đất vàng đỏ trên đá Granit (Fa)

Phân bố chủ yếu ở xã Hương Nguyên. Do địa hình dốc nên quá trình phong hoá yếu, đá mẹ chủ yếu là Granit. Đất này có tầng dày mỏng (< 30 cm) thành phần cơ giới nhẹ, thoát nước tốt, hàm lượng các chất dinh dưỡng trong đất từ trung bình đến khá thích hợp với việc trồng các loại cây như chè, dứa, cà phê... Tuy nhiên trên loại đất này cần phải áp dụng triệt để các biện pháp bảo vệ đất mới có thể sản xuất lâu dài.

+ Đất sông, suối, ao hồ

Phân bố chủ yếu ở xã Hương Nguyên, Hồng Hạ và thị trấn A Lưới. Đây là nguồn nước chính phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của người dân.

b) Tài nguyên nước

Nước là tài nguyên đặc biệt quan trọng, là thành phần thiết yếu của sự sống và môi trường, quyết định sự tồn tại, phát triển bền vững của loài người. Nước được cung cấp từ 2 nguồn chính:

- *Nguồn nước mặt*: nguồn nước mặt chủ yếu nhờ vào nguồn nước mưa và nước của hệ thống sông A Sáp, A Lin, Suối Trà Vệ, Cha Linh và hệ thống khe suối.

- *Nguồn nước ngầm*: là nguồn tài nguyên quan trọng để bổ sung cho nguồn nước mặt. A Lưới là nơi có nguồn nước khá phong phú, mực nước ngầm trong khu vực khá cao, việc đào giếng giải quyết nước sạch cho sinh hoạt đồng bào trong vùng xem ra khá hiệu quả. Tuy nhiên qua khảo sát sơ bộ tại một số khu vực thì ở mực nước ngầm có chất hữu cơ, vi sinh vật, sắt khá lớn. Nên khi sử dụng trực tiếp nguồn nước này để phục vụ cho ăn uống sinh hoạt cần phải được xử lý sơ bộ và phải đun sôi để sử dụng làm nước ăn uống.

c) Tài nguyên rừng

Hiện nay ở A Lưới có diện tích rừng vào khoảng 102.495,87 ha, chiếm 89,24% diện tích tự nhiên của huyện, cùng với diện tích đất trồng cây lâu năm đã góp phần vào việc tăng tỷ lệ che phủ ở khu vực này.

Tuy nhiên do địa hình và khí hậu như đã nêu ở trên, nên trong vùng phát triển 2 kiểu rừng chính: ở độ cao dưới 700 m là rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới, từ độ cao 700 m trở lên là kiểu rừng kín thường xanh á nhiệt đới. Qua điều tra khảo sát nơi đây hội tụ nhiều loài thực vật, ở các độ cao khác nhau cho thấy các loài thường gặp trong vùng là: dẻ, đỗ quyên, dâu da, dương xỉ thân gỗ và các cây ưa bóng họ riềng, họ gừng...nằm ở độ cao trên 1000 m. Còn các cây gỗ như: sến, táu, re, trường, gụ, gôi, kiền kiền, dổi, huỳnh,... thì nằm ở độ cao thấp hơn. Ở những nơi gần dân cư thường gặp các loài như: gáo, nứa, giang cùng với các loài thực vật thứ sinh khác hình thành sau nương rẫy và khai thác lâu năm. Đây là loại hình diễn thế thứ ba thiên về hướng thoái hóa, nếu được bảo vệ tốt thì có thể phục hồi lại trạng thái rừng gỗ ban đầu trong khoảng thời gian tương đối ngắn.

Do yếu tố địa hình phức tạp và thảm thực vật tự nhiên ở đây còn khá tốt nên trong vùng có nhiều động vật hoang dã sinh sống như: nai, sóc, lợn rừng, thỏ, tê tê... Ngoài ra, A Lưới là một trong những huyện có điều kiện phát triển đàn gia súc như trâu, bò, dê cùng với các gia súc gia cầm khác, góp phần làm phong phú thêm khu hệ động vật ở địa phương.

Với một vùng có đặc trưng về địa hình, khí hậu ở A Lưới thì tài nguyên rừng không chỉ có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo vệ đất đai, tài nguyên môi trường mà còn là một trong những nơi có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo vệ, bảo tồn nguồn gen quý hiếm theo kế hoạch hành động bảo vệ đa dạng sinh học tại tỉnh Thừa Thiên Huế và ở Việt Nam.

d) Tài nguyên nhân văn

Nằm giữa núi non hùng vĩ của dãy Trường Sơn với dân số 50.522 người (theo niên giám thống kê năm 2022), đây từng là nơi cư ngụ của nhóm người Việt Cổ, chịu sự ảnh hưởng của nền văn minh Đông Sơn, Sa Huỳnh. Trải qua bao năm tháng đồng bào các dân tộc ở đây vẫn lưu giữ được những phong tục tập quán của đồng bào dân tộc ít người. Những nếp sinh hoạt độc đáo của đồng bào Pa Cô, Tà Ôi; nghề dệt thủ công vải Zèng với những kỹ xảo đặc biệt mà không tồn tại ở bất cứ nơi nào trên thế giới là cách lồng các hạt cườm vào vải đồng thời lúc dệt vải,...

Nằm trên tuyến đường của một thời xẻ dọc Trường Sơn cứu nước, huyện A Lưới cũng rất giàu truyền thống cách mạng; nơi đây còn lưu giữ các di tích lịch sử văn hóa cách mạng tiêu biểu cho một quá trình đấu tranh bền bỉ hy sinh oanh liệt dựng nước và chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta. Di tích đường mòn Hồ Chí Minh vĩ đại “con đường huyền thoại”, địa đạo khu Ủy Trị Thiên (xã Quảng Nhâm), địa đạo Nam Sơn, núi A Bia (xã Hồng Bắc), đồn A Sầu và sân bay A Sầu trung tâm huấn luyện biệt kích của Mỹ, đèo Pê Ke và đường tránh 35 (xã Hồng Vân).

1.3. Phân tích hiện trạng môi trường

Qua các nghiên cứu cho thấy chất độc Dioxin vẫn còn tồn lưu trên sinh thái của vùng A Lưới với diện rộng tuy mức độ tồn lưu khác nhau vì không đồng nhất ở các điểm. Nhất là khu vực sân bay A So, quanh đây không có cây gì mọc nổi quá đầu người, dioxin vượt mức cho phép đến 26 lần. Hiện nay khu vực này được dựng hàng rào thép gai, trồng cây bồ kết ngăn độc để bảo vệ con người và gia súc.

Dưới tác động của điều kiện tự nhiên đặc biệt là địa hình nên hiện tượng rửa trôi xói mòn gây thoái hóa đất là điều khó tránh khỏi. Bên cạnh đó việc xây dựng nhiều nhà máy thủy điện đã tác động đến môi trường sống của các động vật, thực vật làm môi trường sinh thái bị xáo trộn.

Đây cũng là những vấn đề về môi trường mà huyện đang quan tâm tìm biện pháp giải quyết trong thời gian tới.

1.4. Đánh giá chung

Huyện A Lưới nằm ở phía Tây tỉnh Thừa Thiên Huế, có đường Hồ Chí Minh chạy qua địa phận huyện với chiều dài trên 100 km nối liền A Lưới thông suốt với hai miền Bắc - Nam đất nước. Thời gian qua, huyện A Lưới đã có những bước chuyển biến tích cực về phát triển kinh tế - xã hội; tốc độ đô thị hóa nhanh, hoạt động dịch vụ thương mại phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là của đồng bào các dân tộc thiểu số không ngừng được cải thiện.

Là vùng đất giàu truyền thống cách mạng, A Lưới luôn giữ trong mình nhiều di tích lịch sử văn hóa, di tích chiến tranh cách mạng tiêu biểu. Trong đó, đường Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh là Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt, con đường đã đi vào huyền thoại trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc. Ngoài ra, toàn huyện có 72 di tích lịch sử, trong đó có 7 điểm di tích cấp quốc gia với những cái tên quen thuộc như sân bay A So, đồi A Biah, hệ thống địa đạo của khu ủy Trị Thiên trong dãy núi A Túc, cụm địa đạo Động So, A Đon, động Tiên Công... Cùng với hệ thống di tích lịch sử cách mạng, huyện A Lưới đã tăng cường công tác bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc để phát triển kinh tế du lịch; hiện nay cùng với các điểm di tích lịch sử cách mạng, cảnh quan thiên nhiên, huyện đã từng bước phát triển các loại hình du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, đã thu hút lượng khách du lịch đến địa bàn.

Bên cạnh đó, tiếp tục thực hiện đề án bảo tồn, giữ gìn và phát huy giá trị văn hoá các dân tộc thiểu số trên địa bàn; thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, bảo đảm an sinh xã hội và chủ động phòng tránh, ứng phó với biến đổi khí hậu; giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng - an ninh và chủ quyền biên giới Quốc gia. Đẩy mạnh hơn nữa công tác dân tộc và

thực hiện có hiệu quả các chính sách dân tộc, góp phần thay đổi tập quán tiêu dùng của đồng bào các dân tộc thiểu số để thoát nghèo bền vững.

Những năm gần đây, huyện A Lưới được tỉnh quan tâm đầu tư đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội; tăng cường cơ sở hạ tầng như giao thông nông thôn, mạng lưới điện, thủy lợi, cấp thoát nước, bưu chính viễn thông... nhằm tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư, thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong giai đoạn tới.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI

2.1. Tăng trưởng kinh tế

Các ngành và lĩnh vực kinh tế có chuyển biến tích cực, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt cao. Lĩnh vực nông - lâm nghiệp phát triển tích cực, thực hiện hiệu quả việc tái cơ cấu ngành nông lâm nghiệp theo hướng giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Thu ngân sách trên địa bàn huyện đạt 26.689/26.630 triệu đồng, đạt 100,2% kế hoạch, tổng vốn đầu tư toàn xã hội 1.279 tỷ đồng. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2023, cụ thể:

- + Tổng diện tích gieo trồng 5.808,5 ha;
- + Sản lượng lương thực có hạt: 18.082,9 tấn;
- + Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm xuống còn dưới: 9,6%;
- + Số xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế: 15 xã;
- + Tỷ lệ che phủ rừng: 75,39%;
- + Tỷ lệ dùng nước hợp vệ sinh: 98%;
- + Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn: 90%.

b) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Nhìn chung, cơ cấu kinh tế của huyện đã chuyển dịch theo hướng tích cực, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, tạo động lực thúc đẩy tỉnh Thừa Thiên - Huế phát triển. Có được thành quả trên là nhờ tốc độ đầu tư tăng nhanh, tập trung vào các chương trình dự án trọng điểm, hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng, chỉnh trang thị trấn và vùng phụ cận, diện mạo thị trấn và các xã ngày càng khởi sắc.

2.2. Thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực

2.2.1. Khu vực kinh tế nông - lâm - thủy sản

Hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp phát triển đúng hướng; tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết số 05-NQ/HU ngày 08/10/2021 của Huyện ủy về cơ cấu lại ngành nông nghiệp huyện A Lưới giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030 và thực hiện tốt chính sách khuyến khích phát triển ngành nông nghiệp theo Nghị quyết 20/2020/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Trồng trọt

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm: 5.808,0 ha, đạt 100,1% kế hoạch năm, năng suất lúa nước 57 tạ/ha. Sản lượng lương thực có hạt: 18.082,9 tấn, đạt 100,5% kế hoạch năm. Duy trì 925,6 ha cây cao su, trong đó, diện tích khai thác

797,8 ha, sản lượng đạt 1.447 tấn mùi đông; Chuối hàng hóa diện tích 239,9 ha, trong đó, trồng tập trung 84,2 ha, thu hoạch 239,9 ha, sản lượng đạt 4.030,3 tấn. Cây Sâm Bó chính đã trồng 6,92 ha, cây Cà gai leo 5,4 ha. Hoa các loại bán dịp Tết Nguyên đán, với số lượng 266.500 cây, chậu hoa, tổng doanh thu 895 triệu đồng.

- Lâm nghiệp

Tập trung công tác quản lý bảo vệ rừng, thường xuyên kiểm tra hiện trường lâm phận quản lý. Trong năm 2023, Diện tích trồng lại rừng kinh tế 2.717 ha. Diện tích khai thác 2.426,4 ha, sản lượng 172,274 nghìn tấn, diện tích trồng rừng gỗ lớn 970,2 ha; diện tích rừng đang triển khai cấp cấp chứng chỉ FSC 372,84 ha; Tỷ lệ che phủ rừng 75,39%.

- Chăn nuôi

Tổng đàn gia súc 26.663 con/26.500 con, đạt 106,9% kế hoạch năm, tổng đàn gia cầm 196.075 con/185.000 con, đạt 106,0% kế hoạch năm, tăng 13.386 con so với cùng kỳ năm 2022.

- Thủy sản

Duy trì tốt 242,8 ha diện tích ao hồ và nuôi 56 lồng cá trên lòng hồ Thủy điện, sản lượng đạt 781,8 tấn.

Nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng đầu tư thâm canh, tăng thu nhập trên một đơn vị diện tích, xây dựng các mô hình kinh tế tập thể, sản xuất tập trung gắn với nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả. Gắn phát triển nông nghiệp với xây dựng nông thôn mới, cải thiện môi trường sản xuất, sinh hoạt và không ngừng nâng cao đời sống của dân cư nông thôn, tăng giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp.

2.2.2. Khu vực kinh tế công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp

Tổng doanh thu Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp và các sản phẩm khác thuộc lĩnh vực công thương ước tính năm 2023 là: 274,8 tỷ đồng trong đó: Công nghiệp 198,32 tỷ đồng, tiểu thủ công nghiệp 76,49 tỷ đồng.

Hoạt động của nhiều chương trình kết nối cung cầu, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm nông sản, đặc sản và thủ công mỹ nghệ của huyện ra thị trường đã triển khai có hiệu quả; các sản phẩm đặc sản, OCOP, sản phẩm chủ lực có thể mạnh của huyện từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu, cải tiến mẫu mã, bao bì để đáp ứng các điều kiện cần thiết để đưa hàng hóa vào tiêu thụ tại các kênh phân phối hiện đại.

Tiến hành lập quy hoạch Cụm công nghiệp tiểu thủ công nghiệp; Thực hiện có hiệu quả Đề án khôi phục và phát triển nghề truyền thống huyện A Lưới năm 2023. Các ngành nghề thủ công như rèn, mộc, nề, đan lát, chổi đót; ngành nghề mới như xay xát, chế biến thực phẩm, chế biến lâm sản; nghề truyền thống như dệt thổ cẩm từng bước được khôi phục và phát triển. Tổ chức thành công bình chọn sản phẩm nông thôn tiêu biểu năm 2023 và đã công nhận 10 sản phẩm nông thôn tiêu biểu cấp huyện.

Thường xuyên tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu các công trình xây dựng; nhắc nhở tuyên truyền các doanh nghiệp, các chủ đầu tư thực hiện đúng pháp luật về đầu tư xây dựng; phối hợp kiểm tra, rà soát các công trình trường học, trụ sở, đường giao thông nông thôn và các công trình phúc lợi khác cần nâng cấp, đầu tư xây dựng để đưa vào kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021-2025.

Giao thông vận tải, quản lý đô thị: Trong những năm vừa qua ngành vận tải ô tô phát triển nhanh chóng cả về số lượng và chất lượng. Chất lượng phương tiện đã được cải thiện, nhiều xe chất lượng tốt được đưa vào khai thác và sử dụng, dịch vụ vận tải được nâng lên rõ rệt. Sản lượng vận chuyển hàng hóa và doanh thu tăng là do các công trình đầu tư xây dựng cơ bản các năm gần đây tăng, đường sá đã tương đối thuận lợi hơn, các doanh nghiệp hay các hộ kinh doanh cá thể đều có phương tiện vận tải để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

2.2.3. Khu vực kinh tế dịch vụ du lịch

Công tác đầu tư cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật của chợ được quan tâm; tổ chức cho thuê lô, quầy chợ Bốt Đỏ và chợ A Lưới. Hoạt động của nhiều chương trình kết nối cung cầu, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm nông sản, đặc sản và thủ công mỹ nghệ của huyện ra thị trường đã triển khai có hiệu quả; các sản phẩm đặc sản, sản phẩm chủ lực có thế mạnh của huyện từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu, cải tiến mẫu mã, bao bì để đáp ứng các điều kiện cần thiết để đưa hàng hóa vào tiêu thụ tại các kênh phân phối hiện đại.

Du lịch: Các điểm du lịch sinh thái Par Le, A Lin, A Nôr,... hoạt động có hiệu quả. Gắn chặt chẽ phát triển nông nghiệp với du lịch, các sản phẩm nông, đặc sản truyền thống phục vụ du khách ngày càng phong phú như thịt bò, gạo ra dư, mật ong, muối, tiêu, riềng, gừng, nếp than.

PHẦN II

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH KẾ HOẠCH ĐẤT KỲ TRƯỚC

I. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

1.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2023, tổng diện tích tự nhiên của huyện A Lưới 114.850,01 ha, trong đó: đất nông nghiệp có diện tích là 108.527,45 ha, chiếm 94,49% diện tích tự nhiên; đất phi nông nghiệp (kể cả đất ở đô thị và nông thôn) có diện tích là 5.382,76 ha, chiếm 4,69% diện tích tự nhiên; đất chưa sử dụng có diện tích là 939,80 ha, chiếm 0,82% diện tích tự nhiên.

Như vậy, 99,18% diện tích tự nhiên của huyện đã được đưa vào sử dụng cho các mục đích khác nhau trong đó chủ yếu cho mục đích nông, lâm nghiệp. Các chỉ tiêu sử dụng đất huyện A Lưới được phân bố cụ thể như sau:

1.1.1. Đất nông nghiệp

Huyện A Lưới có 108.527,45 ha đất nông nghiệp, chiếm 94,49% diện tích tự nhiên. Trong đó:

Bảng: Hiện trạng sử dụng một số loại đất nông nghiệp năm 2023

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Đất nông nghiệp	NNP	108.527,45	94,50
1	Đất trồng lúa	LUA	1165,05	1,01
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.093,95</i>	<i>0,95</i>
2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.234,17	1,07
3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.402,11	2,96
4	Đất rừng phòng hộ	RPH	41632,23	36,25
5	Đất rừng đặc dụng	RDD	15416,25	13,42
6	Đất rừng sản xuất	RSX	45443,71	39,57
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>25.244,57</i>	<i>21,98</i>
7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	231,55	0,20
8	Đất nông nghiệp khác	NKH	2,41	0,00

(Nguồn: Kết quả thống kê đất đai năm 2023)

a) Đất trồng lúa

Đất trồng lúa có 1.165,05 ha, chiếm 1,01% diện tích đất tự nhiên, phân bố nhiều ở các xã như thị trấn A Lưới (56,20 ha), Hồng Vân (41,21 ha), Hồng Kim (55,41 ha), Trung Sơn (87,57 ha), Hồng Bắc (53,68 ha), A Ngo (95,92 ha), Sơn Thủy (50,28 ha), Quảng Nhâm (108,85 ha), Hồng Thượng (56,67 ha), Lâm Đót (251,33 ha)...

b) Đất trồng cây hàng năm khác

Đất trồng cây hàng năm khác có 1.234,17 ha, chiếm 1,07% diện tích tự nhiên, phân bố nhiều ở các xã như Hồng Hạ (88,68 ha), Trung Sơn (99,17 ha), Hương Nguyên (87,9 ha), Hồng Bắc (46,79 ha), Quảng Nhâm (126,65 ha), Lâm Đót (100,86 ha), Hồng Thủy (418,64 ha)... Các loại cây hàng năm chủ yếu là khoai lang, ngô, lạc, đậu đỗ, các loại rau, dưa, hoa....

c) Đất trồng cây lâu năm

Đất trồng cây lâu năm có 3.402,11 ha, chiếm 2,96% diện tích đất tự nhiên, phân bố nhiều ở các xã Hương Nguyên (522,35 ha), Hồng Hạ (260,72 ha), Hồng Bắc (218,11 ha), Quảng Nhâm (518,28 ha), Hồng Thượng (189 ha), Hồng Thái (125,46 ha), Hồng Vân (144,94 ha), Lâm Đót (304,58 ha) ... chủ yếu trồng cao su, chè, xoài, chuối, cam, quýt, nhãn... bước đầu khẳng định hiệu quả kinh tế và cho thu nhập khá.

d) Đất rừng phòng hộ

Đất rừng phòng hộ có 41.632,23 ha, chiếm 36,25% diện tích tự nhiên, tập trung ở các vùng như Hồng Hạ (6.131,51 ha), Hương Nguyên (8.034,95 ha), Hương Phong (4.337,09 ha), Hồng Thái (4.286,63 ha), Phú Vinh (1.882,2 ha), Trung Sơn (3.408 ha), Lâm Đót (3.406,21 ha)...

e) Đất rừng đặc dụng

Đất rừng đặc dụng có 15.416,27 ha, chiếm 13,42% diện tích tự nhiên tập trung ở các xã Hồng Hạ (2.591,59 ha), Hồng Kim (3.019,03 ha), Hương Nguyên (9.725,39 ha).

f) Đất rừng sản xuất

Đất rừng sản xuất có 45.443,71 ha, chiếm 39,57% diện tích tự nhiên tập trung ở các xã Hồng Vân (2.693,24 ha), Hồng Hạ (4.430,82 ha), Trung Sơn (3.574,35 ha), Hương Nguyên (13.135,59 ha), Hồng Bắc (1.406,09 ha), Hương Phong (3.432,13 ha), Quảng Nhâm (2.285,03 ha), Hồng Thượng (2.230,86 ha), Hồng Thái (1.901,14 ha), Lâm Đót (2.313,36 ha)...

g) Đất nuôi trồng thủy sản

Đất nuôi trồng thủy sản có 231,55 ha, chiếm 0,2% diện tích đất tự nhiên chủ yếu ở các xã Hồng Vân (17,59 ha), thị trấn A Lưới (17,33 ha), Hồng Bắc (15,71 ha), Sơn Thủy (15,91 ha), Quảng Nhâm (25,45 ha), Hồng Thượng (13,85 ha), Lâm Đót (57,25 ha)...

h) Đất nông nghiệp khác

Đất nông nghiệp khác có 2,41 ha, phân bố ở các xã A Ngo, Quảng Nhâm, Hương Phong, Lâm Đót.

1.1.2. Đất phi nông nghiệp

Đất phi nông nghiệp của huyện A Lưới năm 2020 có 5.382,76 ha, chiếm 4,69% diện tích tự nhiên, trong đó:

Bảng : Hiện trạng sử dụng một số loại đất phi nông nghiệp năm 2023

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.382,76	4,69
1	Đất quốc phòng	CQP	139,78	0,12
2	Đất an ninh	AN	0,93	0,00
3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-
4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-
5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,52	0,00
6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	25,62	0,02
7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	17,4	0,02
8	Đất sản xuất làm vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	21,19	0,02
9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	3.562,47	3,10
2.9.1	Đất giao thông	DGT	710,41	0,62
2.9.2	Đất thủy lợi	DTL	84,27	0,07
2.9.3	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	16,93	0,01
2.9.4	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	6,54	0,01
2.9.5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục- đào tạo	DGD	46,61	0,04
2.9.6	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	19,08	0,02
2.9.7	Đất công trình năng lượng	DNL	2.494,16	2,17
2.9.8	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,30	0,00
2.9.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-
2.9.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	64,43	0,06
2.9.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	1,03	0,00
2.9.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,64	0,00
2.9.13	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	112,68	0,10
2.9.14	Đất xây dựng cơ sở khoa học-công nghệ	DKH	0,87	0,00
2.9.15	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	-	-
2.9.16	Đất chợ	DCH	3,52	0,00
10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	0,00	0,00
11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	12,19	0,01
12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	KV	0,10	0,00
13	Đất ở tại nông thôn	ONT	442,64	0,39

14	Đất ở tại đô thị	ODT	92,09	0,08
15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	23,15	0,02
16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	5,14	0,00
17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-
18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,51	0,00
19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.020,10	0,89
20	Đất có mặt nước chuyên dùng	NC	18,83	0,02
21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-

a) Đất quốc phòng

Đất quốc phòng có 139,78 ha, chiếm 0,12% diện tích tự nhiên. Đây là diện tích các công trình phục vụ mục đích quốc phòng như trụ sở, vị trí đóng quân, kho vũ khí, thao trường huấn luyện, khu căn cứ chiến đấu, khu căn cứ hậu phương, đồn biên phòng,... Diện tích đất quốc phòng được phân bố ở các xã Hồng Vân, Hương Nguyên, Hồng Bắc, Hương Phong, Quảng Nhâm, Hồng Thượng,...

b) Đất an ninh

Đất an ninh có 0,93 ha gồm trụ sở của các cơ quan công an, kho tàng của lực lượng công an trên địa bàn huyện.

c) Đất thương mại, dịch vụ

Đất thương mại dịch vụ có 0,52 ha tập trung ở thị trấn A Lưới và xã Sơn Thủy.

d) Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có 25,62 ha, chiếm 0,02% diện tích tự nhiên tập trung chủ yếu ở thị trấn A Lưới (2,9 ha), Hồng Kim (2,61 ha), A Ngo (0,8 ha), Quảng Nhâm (8,4 ha), Hồng Thượng (0,61 ha), Trung Sơn (10,3 ha).

e) Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản

Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản có 17,40 ha, chiếm 0,02% diện tích tự nhiên, chủ yếu ở thị trấn A Lưới (0,31 ha), Trung Sơn (5,89 ha), Sơn Thủy (11,2 ha).

f) Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm

Đất sử dụng cho sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm là 21,19 ha, chiếm 0,02%, tập trung ở thị trấn A Lưới (0,25 ha), A Ngo (5,4 ha), Quảng Nhâm (11,53 ha), Hương Phong (4,01 ha).

g) Đất phát triển hạ tầng

Đất phát triển hạ tầng có 3.562,47 ha, chiếm 3,1% diện tích tự nhiên. Hệ thống cơ sở hạ tầng của huyện trong những năm qua không ngừng được mở rộng, nâng cấp và xây mới như các công trình cấp thoát nước, cấp điện, thủy lợi, giao thông, trường học, cơ sở y tế... từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Diện tích các loại đất trong đất phát triển hạ tầng cụ thể như sau:

- Đất giao thông: có diện tích 710,41 ha, chiếm 0,62% diện tích tự nhiên. Huyện A Lưới có trục đường chính đó là đường Hồ Chí Minh và Quốc lộ 49A đi qua địa bàn huyện. Trong những năm qua, huyện A Lưới không ngừng đầu tư, nâng cấp mở rộng đường giao thông đến trung tâm các xã.

- Đất thủy lợi: có diện tích 84,27 ha, chiếm 0,07 % diện tích tự nhiên, bao gồm diện tích hệ thống kênh, mương, đê, hồ, đập. Việc xây dựng các công trình thủy lợi, đặc biệt là hệ thống hồ đập được chú trọng quan tâm. Kênh mương cũng được kiên cố hóa, nâng cấp đầu tư góp phần ổn định sản xuất.

- Đất cơ sở văn hoá: có diện tích 16,93 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên.

- Đất cơ sở y tế: có diện tích 6,54 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên. Bao gồm diện tích các cơ sở y tế bệnh viện huyện, trạm y tế các xã, thị trấn.

- Đất cơ sở giáo dục - đào tạo: có diện tích 46,61 ha, chiếm 0,04% diện tích tự nhiên, bao gồm diện tích của các trường trung học phổ thông, trường trung học cơ sở và tiểu học, trường và điểm trường mầm non. Diện tích đất cơ sở giáo dục - đào tạo tập trung nhiều ở thị trấn A Lưới (8,3 ha), Lâm Đót (5,37 ha), Hồng Vân (4,03 ha), Hồng Thượng (4,10 ha), ...

- Đất cơ sở thể dục - thể thao: có diện tích là 19,08 ha, chiếm 0,02% diện tích tự nhiên, bao gồm các khu thể thao của xã, thôn,...

- Đất công trình năng lượng: có diện tích 2.494,16 ha, chiếm 2,17% diện tích tự nhiên. Đây là đất các công trình thủy điện, các trạm biến thế và hệ thống tải điện, phân bố nhiều ở các xã Hồng Vân (122,69 ha), Hồng Hạ (303,87 ha), Trung Sơn (264,61 ha), Hương Nguyên (507,94 ha), Quảng Nhâm (250,39 ha), Hồng Thượng (286,14 ha), Hồng Thái (512,9 ha)...

Nhìn chung, trong thời gian qua, diện tích này đã tăng nhanh và sử dụng có hiệu quả để xây dựng nhà máy thủy điện, xây dựng các trạm biến áp, hệ thống đường dây cao, trung, hạ thế và lưới điện nông thôn,... đảm bảo cung cấp nguồn điện phục vụ cho sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông, lâm nghiệp và sinh hoạt của nhân dân.

- Đất công trình bưu chính viễn thông: có diện tích 1,30 ha, đây là diện tích đất xây dựng các công trình về bưu chính viễn thông như hệ thống cột và đường cáp truyền thông tin; các trạm thu phát tín hiệu, các điểm bưu điện văn hóa xã,...

- Đất có di tích lịch sử văn hóa có 64,43 ha, chiếm 0,06% diện tích tự nhiên.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải có 1,03 ha (xã Hồng Thượng).

- Đất cơ sở tôn giáo có 0,64 ha (xã Sơn Thủy).

- Đất nghĩa trang, nghĩa địa có 112,68 ha, chiếm 0,1% diện tích tự nhiên.

- Đất xây dựng cơ sở khoa học-công nghệ có 0,87 ha, tập trung ở xã Hồng Thượng.

- Đất chợ: có diện tích là 3,52 ha, tập trung thị trấn A Lưới (0,82 ha), xã Phú Vinh (1,44 ha), Quảng Nhâm (0,22 ha), Hồng Thượng (0,16 ha), Lâm Đót (0,88 ha).

h) Đất sinh hoạt cộng đồng

Đất sinh hoạt cộng đồng có 12,19 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên.

i) Đất khu vui chơi, giải trí công cộng

Đất khu vui chơi, giải trí công cộng có diện tích 0,1 ha, tập trung ở Thị trấn A Lưới.

j) Đất ở nông thôn

Đất ở tại nông thôn có 442,64 ha, chiếm 0,39% diện tích tự nhiên, tập trung chủ yếu ở các xã Hồng Vân (31,82 ha), Trung Sơn (33,46 ha), A Ngo (39,25 ha), Sơn Thủy (30,11 ha), Quảng Nhâm (48,22 ha), Hồng Thượng (31,29 ha), Lâm Đót (46,62 ha), A Roàng (29 ha)), Hồng Thủy (22,94 ha),...

k) Đất ở tại đô thị

Đất ở tại đô thị có 92,09 ha, chiếm 0,08% diện tích tự nhiên, tập trung ở thị trấn A Lưới.

l) Đất xây dựng trụ sở cơ quan

Đất xây dựng trụ sở cơ quan có 23,15 ha, chiếm 0,02% diện tích tự nhiên bao gồm đất trụ sở các cơ quan sở, ban, ngành và các tổ chức chính trị, xã hội, các công trình sự nghiệp của huyện, các xã, thị trấn.

m) Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp

Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp có 5,14 ha, tập trung Hồng Hạ (1,07 ha), thị trấn A Lưới (0,1 ha), Sơn Thủy (0,77 ha), Hương Phong (2,4 ha), Lâm Đót (0,75 ha), A Roàng (0,05 ha).

n) Đất cơ sở tín ngưỡng

Đất cơ sở tín ngưỡng có 0,51 ha, tập trung ở thị trấn A Lưới (0,03 ha), Sơn Thủy (0,45 ha), Hồng Thượng (0,02 ha), Lâm Đót (0,01 ha).

o) Đất sông ngòi kênh rạch suối

Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối có 1.020,10 ha, chiếm 0,89% diện tích tự nhiên.

p) Đất có mặt nước chuyên dùng

Đất có mặt nước chuyên dùng có 18,83 ha, chiếm 0,02% diện tích tự nhiên.

1.1.3 Đất chưa sử dụng

Toàn huyện A Lưới hiện còn 939,80 ha, chiếm 0,82% diện tích tự nhiên, tập trung ở các xã Hồng Vân (72,62 ha), thị trấn A Lưới (28,69 ha), Trung Sơn (95,46 ha), Lâm Đót (51,42 ha), A Roàng (78,08 ha), Hồng Thủy (370,53 ha),...

II. BIẾN ĐỘNG SỬ DỤNG ĐẤT THEO TỪNG LOẠI ĐẤT TRONG QUY HOẠCH KỲ TRƯỚC

Theo kết quả thống kê đất đai năm 2023 và thống kê đất đai năm 2020 diện tích tự nhiên của huyện là 114.850,01 ha. Cụ thể biến động từng loại đất được phân tích cụ thể như sau:

Bảng: Biến động sử dụng đất từ năm 2020 đến 2023

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020		Hiện trạng năm 2023		So sánh biến động; tăng (+), giảm (-) (ha)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN (= 1+2+3)			114.850,01	100	114.850,01	100	-7.671,19
1	Đất nông nghiệp	NNP	108.534,88	94,50	108.527,45	94,49	-7,43
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.166,00	0,94	1.165,05	1,01	-0,95
<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>		<i>LUC</i>	<i>1.094,91</i>	<i>0,95</i>	<i>1.093,95</i>	<i>0,95</i>	<i>-0,96</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.234,36	1,07	1.234,17	1,07	-0,19
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.404,64	2,96	3.402,11	2,96	-2,53
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	41.632,72	36,25	41.632,23	36,25	-0,49
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	15.416,27	13,42	15.416,25	13,42	-0,02
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	45.446,88	39,57	45.443,71	39,57	-3,17
<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>		<i>RSN</i>	<i>26.889,48</i>	<i>23,41</i>	<i>26.888,51</i>	<i>23,41</i>	<i>-0,97</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	231,59	0,20	231,55	0,2	-0,04
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	2,41	-	2,41	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.374,86	4,68	5.382,76	4,69	7,90
2.1	Đất quốc phòng	CQP	139,29	0,12	139,78	0,12	0,49
2.2	Đất an ninh	CAN	0,92	-	0,93	0,00	0,01
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	-	-	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,34	-	0,52	0,00	0,18
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	25,73	0,02	25,62	0,02	-0,11
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	17,40	0,02	17,40	0,02	0,00
2.8	Đất sản xuất làm vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	21,22	0,02	21,19	0,02	0,00
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	3.556,18	3,10	3.562,47	3,10	6,29
2.9.1	Đất giao thông	DGT	703,66	0,61	710,41	0,62	6,75
2.9.2	Đất thủy lợi	DTL	84,38	0,07	84,27	0,07	-0,11
2.9.3	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	16,93	0,01	16,93	0,01	0,00
2.9.4	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	6,54	0,01	6,54	0,01	0,00
2.9.5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	46,61	0,04	46,61	0,04	0,00
2.9.6	Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	DTT	19,08	0,02	19,08	0,02	0,00

2.9.7	Đất công trình năng lượng	DNL	2.494,16	2,17	2.494,16	2,17	0,00
2.9.8	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,3	-	1,30	-	-
2.9.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-	-	-	-
2.9.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	64,43	0,06	64,43	0,06	0,00
2.9.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	1,03	-	1,03	-	-
2.9.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,64	-	0,64	-	-
2.9.13	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	113,03	0,1	112,68	0,10	-0,35
2.9.14	Đất xây dựng cơ sở khoa học-công nghệ	DKH	0,87	-	0,87	-	-
2.9.15	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	-	-	-	-	-
2.9.16	Đất chợ	DCH	3,52	-	3,52	-	-
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	12,19	0,01	12,19	0,01	0,00
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,10	-	0,10	-	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	441,97	0,38	442,64	0,39	0,67
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	91,59	0,08	92,09	0,08	0,50
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	23,15	0,02	23,15	0,02	0,00
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	5,14	-	5,14	-	-
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,51	-	0,51	-	-
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.020,12	0,89	1.020,10	0,89	-0,02
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	18,95	0,02	18,83	0,02	-0,12
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	940,27	0,82	939,80	0,82	-0,47

a) Đất nông nghiệp

Năm 2023, diện tích đất nông nghiệp là 108.527,45 ha, giảm 7,43 ha so với năm 2020. Trong đó:

*** Đất trồng lúa**

Năm 2023, diện tích đất trồng lúa 1.165,05 ha, giảm 0,95 ha so với năm 2020. Nguyên nhân diện tích đất lúa giảm chủ yếu là do chuyển sang các mục đích khác như đất giao thông, thủy lợi, giáo dục...

*** Đất trồng cây hàng năm khác**

Năm 2023, diện tích đất trồng cây hàng năm khác 1.234,17 ha, giảm 0,19 ha so với năm 2020. Nguyên nhân diện tích giảm chủ yếu do chuyển sang các mục đích như đất trồng cây lâu năm, đất trụ sở cơ quan, đất phát triển hạ tầng, đất ở...

** Đất trồng cây lâu năm*

Năm 2023, diện tích đất trồng cây lâu năm 3.402,11 ha, giảm 2,53 ha so với năm 2020. Nguyên nhân diện tích giảm do chuyển sang các công trình dự án như: các tuyến đường giao thông, hệ thống kênh mương trên địa bàn huyện, thủy điện sông Bồ, các nhà sinh hoạt cộng đồng các thôn trên địa bàn huyện, đất ở...

** Đất rừng phòng hộ*

Năm 2023, diện tích đất trồng rừng phòng hộ 41.632,23, giảm 0,49 ha so với năm 2020. Diện tích giảm chủ yếu chuyển sang đất giao thông.

** Đất rừng đặc dụng*

Năm 2023, diện tích đất rừng đặc dụng 15.416,25 ha, giảm 0,02 ha so với hiện trạng năm 2020. Diện tích giảm do sai số giữa các kỳ kiểm kê đất đai hàng năm.

** Đất rừng sản xuất*

Năm 2023, diện tích đất rừng sản xuất 45.443,71 ha, giảm 3,17 ha so với hiện trạng năm 2020. Diện tích giảm do chuyển sang các mục đích sử dụng khác như đất giao thông, đất ở, thủy lợi...

** Đất nuôi trồng thủy sản*

Năm 2023, diện tích đất nuôi trồng thủy sản 231,55 ha, giảm 0,04 ha so với hiện trạng năm 2020. Nguyên nhân giảm do 1 số đất nuôi trồng thủy sản được thực hiện chuyển sang đất ở, đất giao thông, thủy lợi.

** Đất nông nghiệp khác*

Năm 2023, diện tích đất nông nghiệp khác 2,41 ha, ổn định so với hiện trạng năm 2020.

b) Đất phi nông nghiệp

Theo số liệu thống kê năm 2023, diện tích đất phi nông nghiệp là 5.382,76 ha, tăng 7,90 ha so với hiện trạng năm 2020. Diện tích tăng do thực hiện các dự án nhằm phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng...trên địa bàn huyện, diện tích tăng thêm được chuyển từ đất nông nghiệp. Trong đó:

** Đất quốc phòng*

Năm 2023, diện tích đất quốc phòng 139,78 ha, tăng 0,49 ha so với hiện trạng năm 2020. Diện tích tăng do công trình quốc phòng Doanh trại Trạm kiểm soát biên phòng Hồng Thái (0,49 ha) đến nay đã thực hiện được.

** Đất an ninh*

Năm 2023, diện tích đất an ninh 0,92 ha, tăng 0,01 ha so với hiện trạng năm 2020. Diện tích tăng do trụ sở công an thị trấn A Lưới đã thực hiện được (0,01 ha đất giao thông được chuyển sang phần đất công an của thị trấn).

** Đất thương mại dịch vụ*

Năm 2023, diện tích đất thương mại dịch vụ 0,52 ha, tăng 0,18 ha so với hiện trạng năm 2020. Diện tích tăng do dự án Nhà trưng bày và giới thiệu sản phẩm thủ công mỹ nghệ truyền thống huyện A Lưới (0,18 ha) đến nay đã thực hiện được.

** Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp*

Năm 2023, diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 25,62 ha, giảm 0,11 ha so với hiện trạng năm 2020. Diện tích giảm do 0,11 ha đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp được chuyển sang đất thương mại dịch vụ.

** Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản*

Năm 2023, diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản là 17,40 ha, ổn định so với hiện trạng năm 2020.

** Đất sản xuất vật liệu xây dựng làm đồ gốm*

Năm 2023, diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng làm đồ gốm là 21,19 ha, ổn định so với hiện trạng năm 2020.

** Đất phát triển hạ tầng*

Năm 2023, diện tích đất phát triển hạ tầng 3.562,47 ha, tăng 6,29 ha so với hiện trạng năm 2020. Diện tích tăng do xã hội ngày càng phát triển kèm theo đó là cơ sở vật chất hạ tầng được đầu tư đặc biệt là các tuyến đường giao thông lớn đi qua địa bàn huyện, các trường học được xây mới, các tuyến kênh mương trên địa bàn huyện được bê tông hóa, nhiều công trình năng lượng được xây mới phục vụ cho sự phát triển của huyện... Trong đó:

+ Đất giao thông: tăng 6,75 ha so với năm 2020. Diện tích tăng do thực hiện các công trình giao thông như: Nâng cấp nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và vỉa hè đường Kim Đồng, đường Konh Hư, các tuyến đường sản xuất, đường nội thôn...

+ Đất thủy lợi: giảm 0,11 ha so với năm 2020. Diện tích giảm do nhiều công trình dự án được lấy từ đất thủy lợi như đất ở, đường giao thông.

+ Đất cơ sở văn hóa: ổn định so với hiện trạng năm 2020.

+ Đất cơ sở y tế: ổn định so với hiện trạng năm 2020.

+ Đất cơ sở giáo dục-đào tạo: ổn định so với hiện trạng năm 2020.

+ Đất cơ sở thể dục thể thao: ổn định so với hiện trạng năm 2020.

+ Đất công trình năng lượng: ổn định so với hiện trạng năm 2020.

+ Đất bưu chính viễn thông: ổn định so với hiện trạng năm 2020.

+ Đất di tích lịch sử văn hóa: ổn định so với hiện trạng năm 2020.

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải: ổn định so với hiện trạng năm 2020.

+ Đất cơ sở tôn giáo: ổn định so với hiện trạng năm 2020.

+ Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: giảm 0,35 ha so với năm 2020. Diện tích giảm do chuyển sang đất giao thông...

+ Đất chợ: ổn định so với hiện trạng năm 2020.

** Đất sinh hoạt cộng đồng*

Năm 2023, diện tích đất sinh hoạt cộng đồng 12,19 ha, ổn định so với hiện trạng năm 2020.

**Đất khu vui chơi giải trí công cộng*

Năm 2023, diện tích đất khu vui chơi giải trí công cộng 0,10 ha, ổn định so với hiện trạng năm 2020.

** Đất ở tại nông thôn*

Năm 2023, đất ở nông thôn tăng 0,67 ha so với năm 2020. Diện tích tăng do nhiều khu đất giá phân lô đất ở, quy hoạch đất ở, chuyển đổi mục đích đất trồng cây lâu năm, đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư sang đất ở tại các xã trên địa bàn huyện đã thực hiện.

** Đất ở tại đô thị*

Năm 2023, đất ở tại đô thị tăng 0,50 ha so với năm 2023. Diện tích tăng do chuyển đổi mục đích đất trồng cây lâu năm, đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư sang đất ở tại thị trấn trên địa bàn huyện đã thực hiện.

** Đất xây dựng trụ sở cơ quan*

Năm 2023, đất xây dựng trụ sở cơ quan 23,15 ha, ổn định so với hiện trạng năm 2020.

** Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp*

Năm 2023, đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp 5,14 ha, ổn định so với hiện trạng năm 2020.

** Đất cơ sở tín ngưỡng*

Năm 2023, đất cơ sở tín ngưỡng 0,51 ha, ổn định so với hiện trạng năm 2020.

** Đất sông ngòi, kênh rạch, suối*

Năm 2023, đất sông ngòi, kênh rạch, suối giảm 0,02 ha so với hiện trạng năm 2020. Diện tích giảm do chuyển sang đất giao thông, thủy lợi, ...

** Đất có mặt nước chuyên dùng*

Năm 2023, đất có mặt nước chuyên dùng giảm 0,12 ha so với hiện trạng năm 2020. Diện tích giảm do chuyển sang các loại đất như nuôi trồng thủy sản, đường giao thông.

c) Đất chưa sử dụng

Năm 2023, huyện A Lưới còn 939,80 ha đất chưa sử dụng, giảm 0,47 ha so với hiện trạng năm 2020. Đất chưa sử dụng giảm do được đưa vào phục vụ canh tác, trồng rừng sản xuất, phục vụ các công trình xây dựng hạ tầng.

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ TRƯỚC

3.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước

Tổng diện tích tự nhiên theo Quyết định phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 của huyện A Lưới là 114.850,01 ha . Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến ngày 31/12/2023 cụ thể như sau:

Bảng: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích QHSDĐ 2021- 2030 đã được phê duyệt theo QĐ 566/QĐ-UBND	Kết quả thực hiện năm 2023		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng/giảm (ha)	Tỷ lệ (%)
	DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		114.850,01	114.850,01	0,00	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	107.573,40	108.527,45	954,05	100,89
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.139,78	1.165,05	25,27	102,22
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.070,90</i>	<i>1.093,95</i>	<i>23,05</i>	<i>102,15</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.150,86	1.234,17	83,32	107,24
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.760,75	3.402,11	-358,64	90,46
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	41.416,05	41.632,23	216,18	100,52
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	16.776,27	15.416,25	-1.360,02	91,89
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	43.014,52	45.443,71	2.429,19	105,65
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>26.889,48</i>	<i>26.244,57</i>	<i>-1.644,91</i>	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	222,26	231,55	9,29	104,18
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	92,91	2,41	-90,50	2,59
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.395,60	5.382,76	-1.012,84	84,16
2.1	Đất quốc phòng	CQP	270,61	139,78	-130,83	51,65
2.2	Đất an ninh	CAN	6,58	0,93	-5,65	14,13
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	140,00	0,00	-140,00	0,00
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	30,00	0,00	-30,00	0,00
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	73,35	0,52	-72,83	0,71
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	33,08	25,62	-7,46	77,45
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	140,70	17,40	-123,30	12,37
2.8	Đất sản xuất làm vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	45,06	21,19	-23,87	47,03
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	3.916,69	3.562,47	-354,22	90,96
2.9.1	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>955,99</i>	<i>710,41</i>	<i>-245,58</i>	<i>74,31</i>
2.9.2	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>102,12</i>	<i>84,27</i>	<i>-17,85</i>	<i>82,52</i>
2.9.3	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>47,56</i>	<i>16,93</i>	<i>-30,63</i>	<i>35,60</i>

2.9.4	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	6,32	6,54	0,22	103,48
2.9.5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	47,87	46,61	-1,26	97,37
2.9.6	Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	DTT	22,63	19,08	-3,55	84,31
2.9.7	Đất công trình năng lượng	DNL	2.500,65	2.494,16	-6,49	99,74
2.9.8	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,31	1,30	-0,01	99,24
2.9.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	0,00	0,00	0,00	
2.9.10	Đất có di tích lịch sử, văn hóa	DDT	104,44	64,43	-40,01	61,69
2.9.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	23,11	1,03	-22,08	4,46
2.9.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,64	0,64	0,00	100,00
2.9.13	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	126,69	112,68	-14,01	88,94
2.9.14	Đất xây dựng cơ sở khoa học - công nghệ	DKH	0,87	0,87	0,00	100,00
2.9.15	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,00	0,00	0,00	
2.9.16	Đất chợ	DCH	3,95	3,52	-0,43	89,11
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	0,00	0,00	0,00	
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	12,53	12,19	-0,34	97,29
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	6,00	0,10	-5,90	1,67
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	544,90	442,64	-102,26	81,23
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	98,09	92,09	-6,00	93,88
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	23,27	23,15	-0,12	99,48
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,97	5,14	1,17	129,47
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0,00	0,00	0,00	
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,51	0,51	0,00	100,00
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.004,29	1.020,10	15,81	101,57
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	18,43	18,83	0,40	102,17
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,00	0,00	0,00	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	881,01	939,80	58,79	106,67

Ghi chú: Một số chỉ tiêu đã được chuyển đổi về chỉ tiêu quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quy hoạch, kế hoạch sử dụng.

3.1.1 Đất nông nghiệp

Chỉ tiêu đất nông nghiệp theo quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 107.573,40 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 108.527,45 ha, cao hơn 954,05 ha so với quy hoạch sử dụng đất. Trong đó:

+ Đất trồng lúa:

Chỉ tiêu đất trồng lúa theo quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 1.139,78 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 1.165,05 ha, cao hơn 25,27 ha so với quy hoạch sử dụng đất. Nguyên nhân do các dự án lớn có thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn huyện triển khai chậm hoặc chưa thực hiện so với chỉ tiêu phân khai do cấp tỉnh phân bổ nên phần lớn diện tích đất trồng lúa trong kỳ chưa chuyển đổi sang mục đích sử dụng đất khác.

+ Đất trồng cây hàng năm khác:

Chỉ tiêu đất trồng cây hàng năm khác theo quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 1.150,86 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 1.234,17 ha, cao hơn 83,32 ha so với quy hoạch sử dụng đất, do một số công trình, dự án chuyển đổi từ mục đích đất trồng cây hàng năm sang mục đích khác chưa đưa vào thực hiện trong kỳ quy hoạch.

+ Đất trồng cây lâu năm:

Chỉ tiêu đất trồng cây lâu năm theo quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 3.760,75 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 3.402,11 ha, thấp hơn 358,64 ha so với quy hoạch sử dụng đất. Do trong kỳ quy hoạch sử dụng đất 2021-2030 chỉ tiêu đất trồng cây lâu năm vừa biến động tăng vừa biến động giảm. Biến động tăng trong kỳ quy hoạch do có quy hoạch một số vùng trồng cây ăn quả, nhưng đến nay dự án này vẫn chưa thực hiện được. Biến động giảm do chuyển đất trồng cây lâu năm sang đất ở, giao thông, thủy lợi...

+ Đất rừng phòng hộ:

Chỉ tiêu đất rừng phòng hộ theo quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 41.416,05 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 41.632,23 ha, cao hơn 216,18 ha so với quy hoạch sử dụng đất, do một số công trình, dự án chuyển đổi từ mục đích đất rừng phòng hộ sang mục đích khác chưa đưa vào thực hiện trong kỳ quy hoạch.

+ Đất rừng đặc dụng:

Chỉ tiêu đất rừng đặc dụng theo quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 16.776,27 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 15.416,25 ha, thấp hơn 1.360,02 ha so với quy hoạch sử dụng đất. Do trong giai đoạn quy hoạch 2021-2030, có một số vùng đất rừng sản xuất được quy hoạch sang đất rừng đặc dụng nhưng đến nay dự án vẫn chưa thực hiện được.

+ Đất rừng sản xuất:

Chỉ tiêu đất rừng sản xuất theo quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 43.014,52 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 45.443,71 ha, cao hơn 2.429,19 ha so với quy hoạch sử dụng đất, do một số công trình, dự án chuyển đổi từ mục đích đất rừng sản xuất sang mục đích khác chưa đưa vào thực hiện trong kỳ quy hoạch.

+ Đất nuôi trồng thủy sản:

Chỉ tiêu đất nuôi trồng thủy sản theo quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 222,26 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 231,55 ha, cao hơn 9,29 ha so với quy hoạch sử dụng đất. Nguyên nhân tăng là do một số công trình chuyển mục đích sử dụng từ đất nuôi trồng thủy sản sang loại đất khác chưa thực hiện được, và do kết quả thống kê đất đai qua các năm có sai khác.

+ Đất nông nghiệp khác:

Chỉ tiêu đất nông nghiệp khác theo quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 92,91 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 2,41 ha, thấp hơn 90,50 ha so với quy hoạch sử dụng đất. Do 1 số công trình, dự án xây dựng trang trại trong kỳ quy hoạch đến nay vẫn chưa thực hiện được.

3.1.2 Đất phi nông nghiệp

Chỉ tiêu đất phi nông nghiệp theo quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 6.395,60 ha, thực hiện đến 31/12/2023 5.382,76 ha, thấp hơn 1.012,84 ha so với quy hoạch sử dụng đất. Trong đó:

+ Đất quốc phòng:

Chỉ tiêu đất quốc phòng theo quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 270,61 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 139,78 ha, thấp hơn 130,83 ha so với quy hoạch sử dụng đất, do một số công trình đất quốc phòng trong kỳ quy hoạch chưa đưa vào thực hiện.

+ Đất an ninh:

Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất an ninh đã được phê duyệt là 6,58 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 0,93 ha, thấp hơn 5,65 ha so với quy hoạch sử dụng đất, do một số công trình đất an ninh mặc dù đã thực hiện nhưng đến nay vẫn chưa làm thủ tục thu hồi đất.

+ Đất khu công nghiệp:

Chỉ tiêu đất khu công nghiệp theo quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 140,00 ha nhưng đến nay chỉ tiêu này vẫn chưa thực hiện được.

+ Đất cụm công nghiệp:

Chỉ tiêu đất cụm công nghiệp theo quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 30,00 ha nhưng đến nay chỉ tiêu này vẫn chưa thực hiện được.

+ Đất thương mại dịch vụ:

Chỉ tiêu đất thương mại dịch vụ theo quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 73,35 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 0,52 ha, thấp hơn 72,83 ha so với quy hoạch sử dụng đất. Nguyên nhân chủ yếu do các dự án về thương mại, dịch vụ trên địa bàn huyện chưa triển khai thực hiện.

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:

Chỉ tiêu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp theo quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 33,08 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 25,62 ha, thấp hơn 7,46

ha so với quy hoạch sử dụng đất. Nguyên nhân là các công trình về cơ sở sản xuất phi nông nghiệp chưa thực hiện hết trong kỳ quy hoạch.

+ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản:

Chỉ tiêu đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản theo quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 140,70 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 17,40 ha, thấp hơn 123,30 ha so với quy hoạch sử dụng đất. Nguyên nhân là các công trình về đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản chưa thực hiện được trong kỳ quy hoạch.

+ Đất sản xuất vật liệu xây dựng làm đồ gốm:

Chỉ tiêu đất sản xuất vật liệu xây dựng làm đồ gốm theo quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 45,06 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 21,19 ha, thấp hơn 23,87 ha so với quy hoạch sử dụng đất.

+ Đất phát triển hạ tầng:

Chỉ tiêu đất phát triển hạ tầng (đất giao thông, đất thủy lợi, đất xây dựng cơ sở văn hóa, đất y tế, đất giáo dục, đất thể dục thể thao, đất năng lượng, đất bưu chính viễn thông, đất di tích lịch sử văn hóa, đất bãi thải xử lý chất thải, đất tôn giáo, đất nghĩa trang nghĩa địa, đất chợ) theo quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 2.916,69 ha, thực hiện đến năm 2023 là 3.562,47 ha (đạt 90,96%), thấp hơn 354,22 so với quy hoạch sử dụng đất. Nguyên nhân đất phát triển hạ tầng thấp do các công trình dự án giao thông, thủy lợi, đất rác thải, đất chợ... trong kỳ quy hoạch vẫn chưa thực hiện được.

+ Đất sinh hoạt cộng đồng:

Chỉ tiêu đất sinh hoạt cộng đồng theo quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 12,53 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 12,19 ha, thấp hơn 0,34 ha so với quy hoạch sử dụng đất.

+ Đất khu vui chơi giải trí công cộng:

Chỉ tiêu đất khu vui chơi giải trí công cộng theo quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 6,0 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 0,1 ha, thấp hơn 5,90 ha so với quy hoạch sử dụng đất.

+ Đất ở nông thôn:

Chỉ tiêu đất ở tại nông thôn theo quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 544,90 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 442,64 ha, thấp hơn 102,26 ha so với quy hoạch sử dụng đất. Nguyên nhân do một số công trình, dự án quy hoạch đất ở trên địa bàn huyện đến nay vẫn chưa thực hiện được.

+ Đất ở đô thị:

Chỉ tiêu đất ở tại đô thị theo quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 98,09 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 91,94 ha, thấp hơn 6,15 ha so với quy hoạch sử dụng đất. Nguyên nhân do một số công trình dự án quy hoạch đất ở, chuyển đổi mục đích sang đất ở vẫn chưa thực hiện hết trong kỳ quy hoạch.

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan:

Chỉ tiêu đất xây dựng trụ sở cơ quan theo quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 23,27 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 23,15 ha, thấp hơn 0,12 ha so

với quy hoạch sử dụng đất. Nguyên nhân là các công trình về đất xây dựng trụ sở cơ quan vẫn chưa thực hiện được trong kỳ quy hoạch.

+ Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:

Chỉ tiêu đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp theo quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 3,97 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 5,14 ha, cao hơn 1,17 ha so với quy hoạch sử dụng đất. Do trong kỳ quy hoạch có một số trụ sở của tổ chức sự nghiệp không còn sử dụng và được chuyển sang đất ở, đất thương mại dịch vụ nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện được.

+ Đất cơ sở tín ngưỡng:

Chỉ tiêu đất cơ sở tín ngưỡng theo quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 0,51 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 0,51 ha, ổn định so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

+ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:

Chỉ tiêu đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối theo quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 1.004,29 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 1.020,10 ha, cao hơn 15,81 ha so với quy hoạch sử dụng đất.

+ Đất có mặt nước chuyên dùng:

Chỉ tiêu đất có mặt nước chuyên dùng theo quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 18,43 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 18,83 ha, cao hơn 0,40 ha so với quy hoạch sử dụng đất.

3.1.3 Đất chưa sử dụng

Chỉ tiêu đất chưa sử dụng theo quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 881,01 ha, thực hiện đến 31/12/2023 đất chưa sử dụng còn 939,26 ha, cao hơn 58,25 ha so với quy hoạch sử dụng đất.

3.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

3.2.1. Những mặt đạt được

Thực hiện Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 16 tháng 03 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của huyện A Lưới; về cơ bản các chỉ tiêu sử dụng đất, chỉ tiêu chuyên mục đích sử dụng đất đã bám sát Quyết định 566/QĐ-UBND.

Quá trình sử dụng đất đều dựa trên những quan điểm khai thác sử dụng hợp lý và hiệu quả quỹ đất, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Công tác quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ngày càng chặt chẽ, góp phần tích cực cho việc sử dụng đất hợp lý và có hiệu quả. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện A Lưới đã tạo cơ sở pháp lý cho huyện trong việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai theo quy hoạch, đặc biệt là công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Việc quản lý và bảo vệ các diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng được đảm bảo. Các diện tích đất dành cho phát triển cụm công nghiệp, dịch vụ, xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển khu dân cư đã cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện.

3.2.2. Những hạn chế, tồn tại

- Công tác dự báo chưa sát nhu cầu thực tiễn; một số công trình, dự án phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương phát sinh sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nên không có căn cứ thực hiện giao đất, cho thuê đất; ảnh hưởng đến thu hút đầu tư của huyện. Quy mô, vị trí sử dụng đất của một số công trình, dự án còn chưa chính xác do thay đổi nhu cầu sử dụng đất của ngành, lĩnh vực và nhu cầu của các nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Việc tổ chức, kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt chưa thường xuyên.

- Vốn đầu tư thực hiện một số dự án có sử dụng đất đã được xác định trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn hạn hẹp dẫn đến kết quả thực hiện một số chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa cao.

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất huyện A Lưới được xây dựng trên cơ sở tổng hợp quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch của các ngành, lĩnh vực, quá trình rà soát lập quy hoạch sử dụng đất các sở, ngành, địa phương còn đưa vào quá nhiều công trình dự án nhưng chậm triển khai thực hiện dẫn đến kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất không cao.

3.2.3. Nguyên nhân của hạn chế, tồn tại

- Sự phối hợp giữa các ban, ngành và các địa phương trong công tác lập và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhìn chung chưa tốt dẫn đến quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch các ngành khác chưa thực sự gắn kết.

- Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân và các cấp còn chủ quan, không có dự án tiền khả thi nên nhiều dự án đã phê duyệt nhưng không có khả năng thực hiện.

- Công tác quy hoạch sử dụng đất nói chung và kế hoạch sử dụng đất nói riêng chưa tính hết khả năng về tài chính bởi phụ thuộc vào nhu cầu và khả năng đầu tư của xã hội và Nhà nước... dẫn đến một số dự án, công trình không triển khai thực hiện được.

3.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới

Từ những kết quả đạt được và những tồn tại trong quá trình thực hiện Quyết định 566/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2023 về phê duyệt quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 của huyện A Lưới, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cho việc lập Điều chỉnh quy hoạch giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của huyện như sau:

- Tăng cường sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành, các đơn vị trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện quy hoạch cần được coi trọng và tiến hành thường xuyên.

- Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp cần đi trước để đảm bảo nguyên tắc quy hoạch, kế hoạch của ngành, lĩnh vực và địa phương có sử dụng đất phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Trong trường hợp quy hoạch ngành duyệt trước thì phải có sự rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho việc lập và tổ chức thực hiện đầy đủ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để đảm bảo cho việc phát triển kinh tế - xã hội của huyện và đưa công tác quản lý, sử dụng đất đai vào nề nếp theo đúng quy định của pháp luật.

- Bảo đảm trật tự an toàn xã hội, giữ vững ổn định chính trị - xã hội; chủ động hội nhập quốc tế, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư trong và ngoài tỉnh cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đặc biệt coi trọng dự báo chính xác về nhu cầu quỹ đất cho phát triển các ngành, lĩnh vực; tính toán khoa học, sát với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Cần nhắc về hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường nhằm đảm bảo phát triển bền vững trong sử dụng đất, phát huy cao nhất tiềm năng đất đai.

PHẦN III
PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT

1.1. Khát quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

1.1.1. Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội gắn với phát triển bền vững trên cơ sở khai thác hiệu quả các lợi thế về vị trí địa lý – kinh tế, tiềm năng, thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên và nguồn nội lực trong huyện kết hợp với tận dụng tối đa các nguồn lực bên ngoài. Xây dựng huyện A Lưới trở thành vùng kinh tế động lực, năng động phía Tây của tỉnh.

- Tập trung chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; nâng cao vai trò và tăng tỷ trọng của công nghiệp – xây dựng; phát triển khu vực dịch vụ và kinh tế cửa khẩu thành ngành kinh tế mũi nhọn; phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất gắn với phát triển bền vững.

- Đẩy mạnh quá trình đô thị hóa, tiếp tục xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng theo hướng bền vững, kiên cố hóa, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Phát triển kinh tế gắn với giải quyết tốt các vấn đề xã hội. Quan tâm phát triển giáo dục – đào tạo nâng cao trình độ dân trí, chất lượng nguồn nhân lực. Chú trọng công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm, giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em, nâng cao đời sống nhân dân. Đặc biệt, quan tâm đầu tư nâng cấp, xây dựng trường học, trạm y tế, các công trình phúc lợi công cộng, là cho khu vực vùng sâu, vùng xa.

- Gắn phát triển kinh tế với giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc đặc sắc; bảo vệ, tôn tạo các di tích lịch sử cách mạng, các di tích gắn với các cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

- Kết hợp phát triển kinh tế với bảo vệ tài nguyên, cảnh quan thiên nhiên, môi trường, giữ vững cân bằng sinh thái, đảm bảo phát triển lâu dài, bền vững.

- Gắn phát triển kinh tế với đảm bảo an ninh quốc phòng, bảo vệ vững chắc biên cương Tổ quốc và giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Cũng cố tuyến hành lang biên giới với CHDCND Lào, xây dựng mối quan hệ hòa bình, hữu nghị và tin cậy lẫn nhau. Xây dựng đường biên giới Việt Nam – Lào giữ vững đường biên giới hòa bình, hợp tác, hữu nghị giữa hai nước.

1.1.2. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

Phát triển toàn diện kinh tế-xã hội huyện A Lưới đạt mức tăng trưởng cao và bền vững. Nông nghiệp, dịch vụ phát triển mạnh, tạo tăng trưởng đột phá cho nền kinh tế. Nông nghiệp, nông thôn chuyển biến mạnh về chất lượng và hiệu

quả kinh tế gắn với thực hiện tốt chương trình xây dựng nông thôn mới. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng Nông nghiệp - Dịch vụ - Công nghiệp. Kết cấu hạ tầng được xây dựng theo hướng đồng bộ, hiện đại tốc độ đô thị hoá được đẩy nhanh xây dựng nếp sống văn minh đô thị. Lĩnh vực văn hóa-xã hội được quan tâm phát triển. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao môi trường được bảo vệ và cải thiện các nguồn tài nguyên được khai thác hợp lý, hiệu quả quốc phòng an ninh được củng cố, vững mạnh chính trị - xã hội được giữ vững ổn định.

1.2. Quan điểm sử dụng đất

Để đảm bảo sử dụng quỹ đất có hiệu quả, ổn định, đáp ứng được mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của huyện, trong quy hoạch sử dụng đất cần phải quán triệt các quan điểm sử dụng đất sau:

- Xây dựng mô hình nông - lâm kết hợp là một phương thức tiếp cận để sử dụng đất bền vững. Đó là sự hòa quyện giữa những kinh nghiệm truyền thống với khoa học, công nghệ hiện đại đã tạo ra những giá trị mới trong sử dụng đất. - Đầu tư có hiệu quả quỹ đất chưa sử dụng chuyển sang sử dụng vào mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp nhằm khai thác triệt để và sử dụng tiết kiệm quỹ đất đai. Tăng cường khai thác không gian bên trên và bên dưới mặt đất, nâng cao hệ số sử dụng đất.

- Phân bổ một cách hợp lý, hiệu quả quỹ đất đai cho từng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng. Đảm bảo quỹ đất sử dụng cho các mục đích xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, phát triển đô thị, khu dân cư với mức sống có chất lượng cao, kết hợp phát triển kinh tế xã hội gắn với quốc phòng, an ninh trên cơ sở chuyển đổi mục đích và điều chỉnh những bất hợp lý trong sử dụng đất.

- Sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững quỹ đất sản xuất nông nghiệp, sản xuất lâm nghiệp trên cơ sở bảo vệ đất sản xuất nông nghiệp có năng suất cao đặc biệt đất chuyên trồng lúa nước góp phần thực hiện chiến lược an ninh lương thực, cung ứng nông sản phẩm cho xã hội, nguyên liệu cho công nghiệp.

- Đảm bảo độ che phủ đất theo tiêu chuẩn để bảo vệ môi trường trong lành và hệ sinh thái bền vững, cải tạo môi trường đất để sử dụng ổn định lâu dài.

- Sử dụng đất phải chú ý chống xói mòn, rửa trôi đất, bảo vệ môi trường để sử dụng ổn định và bền vững, kết hợp giữa trước mắt và lâu dài, phù hợp với chiến lược công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đô thị hoá của đất nước. Điều chỉnh dần và tiến tới chấm dứt những bất hợp lý trong quản lý, sử dụng đất.

1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng

1.3.1 Định hướng sử dụng đất nông nghiệp

Phát triển nông nghiệp bền vững theo hướng đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi, chuyển đổi mùa vụ, cơ cấu cây trồng né tránh thiên tai; thích nghi cao với

điều kiện thường xuyên có bão lụt. Gắn phát triển nông, lâm, ngư nghiệp với bảo vệ tài nguyên đất, rừng, giữ vững môi trường và cân bằng sinh thái.

Phát triển một nền nông nghiệp toàn diện, cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi, canh tác nông nghiệp bền vững trên đất dốc (theo mô hình SALT) mà cốt lõi là gắn phát triển nông nghiệp với lâm nghiệp. Phát triển nông nghiệp trên cơ sở vừa thâm canh tăng năng suất, vừa mở rộng diện tích thông qua đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật. Chú trọng phát triển cây trồng, vật nuôi chủ lực nhằm tạo nguồn nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến, xuất khẩu làm tiền đề thực hiện công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

Để đảm bảo thực hiện các mục tiêu, phương hướng phát triển trên, định hướng sử dụng một số loại đất nông nghiệp của huyện như sau:

a) Đất trồng lúa

Ổn định diện tích đất trồng lúa với diện tích 1.124,77 ha, đẩy mạnh đầu tư thâm canh, tăng năng lực tưới tiêu, đưa sản lượng lương thực đạt 17.500 tấn.

Bố trí xen canh mùa vụ hợp lý, tăng phân bón hữu cơ và làm tốt công tác bảo vệ thực vật. Bằng nhiều biện pháp kỹ thuật tổng hợp để giảm thiểu tối đa tổn thất do thiên tai gây ra, nâng cao sản lượng.

b) Đất trồng cây hàng năm khác

Chuyển đổi một phần đất trồng lúa, màu năng suất thấp sang xây dựng và phát triển các vùng trồng rau an toàn, quả sạch (đậu thực phẩm các loại); các vùng trồng sinh vật cảnh; xây dựng, cải tạo vườn tạp thành vườn có giá trị kinh tế. Kết hợp phát triển sản xuất hộ gia đình với hình thành các trang trại, gia trại.

c) Đất trồng cây lâu năm

Đối với cây lâu năm trong thời gian tới tiếp tục đẩy mạnh phát triển cây cao su, cà phê. Hình thành một số vùng cây công nghiệp lâu năm theo hình thức trang trại tập trung tạo nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

d) Đất lâm nghiệp

- Trong thời gian tới tiếp tục hoàn thiện việc lập hồ sơ khoanh nuôi bảo vệ tới từng tiểu khu, khoảnh, phân khoảnh rõ ràng, đóng mốc, biển ngoài thực địa và giao khoán cho các hộ gia đình hoặc tập thể thông qua hợp đồng kinh tế, ngăn chặn mọi tác động có hại đến rừng.

- Tiếp tục giao rừng, vận động các hộ ven rừng hợp đồng nhận khoán hoặc khoanh nuôi gắn với việc trồng rừng, chăm sóc rừng, ổn định việc làm lâu dài cho nhân dân.

- Đẩy mạnh việc trồng rừng trên diện tích đất chưa sử dụng có khả năng đưa vào sử dụng. Trồng lại rừng sau khi khai thác, ưu tiên cho những diện tích vừa khai thác để đảm bảo khả năng phòng hộ và những khu vực tập trung gần đường giao thông.

- Đối với đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng đầu nguồn loài cây trồng thích hợp là keo tai tượng, keo lười liềm, sao đen, sến trung, huỳnh, lim xanh...

Mục tiêu của trồng rừng sản xuất trong giai đoạn này là tập trung phát triển các loại rừng trồng gỗ nguyên liệu, trong đó cần ưu tiên cho nguyên liệu ván nhân tạo, ván dăm, gỗ gia dụng và nguyên liệu giấy. Loài cây trồng thích hợp là keo lai, keo tai tượng, keo lá tràm.

Để đảm bảo khai thác nguồn lâm sản ngoài gỗ lâu dài, bền vững, chính quyền địa phương phải có sự hướng dẫn cần thiết đối với người dân trong xã, kết hợp với việc tuyên truyền, giáo dục và khuyến khích nhân dân gây trồng các loại lâm sản ngoài gỗ gồm có: song, mây, tre, nứa, luồng, đót và một số dược liệu quý...

Trong kỳ quy hoạch, diện tích đất rừng sản xuất được chuyển sang mục đích đất trang trại, tuy nhiên độ che phủ rừng đảm bảo vì khi xây dựng trang trại nông lâm kết hợp, diện tích rừng hiện trạng vẫn giữ nguyên hình thức trồng rừng theo mô hình trang trại của các hộ gia đình, tổ chức.

e) Đất nuôi trồng thủy sản

Sử dụng có hiệu quả ao hồ, mặt nước để nuôi thủy sản có giá trị cao (cá diêu hồng, ếch, cá chình,...) kết hợp trồng rau góp phần cải tạo cảnh quan môi trường sinh thái.

f) Đất nông nghiệp khác

Xây dựng và phát triển các mô hình trang trại, chăn nuôi gia súc công nghệ cao, rau hoa công nghệ cao, đầu tư làm vườn ươm, trồng và cung cấp giống cây dược liệu gắn với công tác bảo tồn giống dược liệu quý trên địa bàn huyện A Lưới.

1.3.2 Định hướng sử dụng đất phi nông nghiệp

Ưu tiên quỹ đất hợp lý để xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng đô thị (hệ thống giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường...), đảm bảo các công trình kết cấu hạ tầng phải đạt chuẩn quốc gia, đáp ứng nhu cầu cao của khách du lịch quốc tế, trong nước và cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân.

a) Đất quốc phòng

Nhằm đáp ứng mục tiêu đảm bảo tốt công tác quốc phòng, xây dựng thế trận khu vực phòng thủ, trong đó chú trọng các xã vùng biên giới, các cửa khẩu. Đảm bảo sẵn sàng chiến đấu và bảo vệ vững chắc chủ quyền của Tổ quốc. Trong những năm tới đất quốc phòng cần được bổ sung để xây dựng: khu căn cứ chiến đấu huyện A Lưới tại xã Hồng Bắc, Chốt chiến đấu của dân quân thường trực biên giới ở xã Lâm Đót, Xã Quảng Nhâm, xã Hồng Vân, Căn cứ hậu phương Đường hầm CH6-01....

b) Đất an ninh

Nhằm đáp ứng mục tiêu đảm bảo tốt công tác an ninh chính trị và trật tự xã hội, đặc biệt là tại khu đô thị, các cửa khẩu, các khu du lịch,... đồng thời kết hợp chặt chẽ giữa an ninh và trật tự xã hội với xây dựng chính quyền cơ sở vững mạnh, giảm các tệ nạn xã hội,... trong thời gian tới đất an ninh xây dựng: trụ sở công an tại các xã và thị trấn, trụ sở công an phòng cháy chữa cháy.

c) Đất khu công nghiệp

Đến năm 2030 sẽ huy động mọi nguồn lực, tạo môi trường đầu tư thuận lợi để phát triển hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu A Đốt. Hoàn chỉnh hạ tầng Khu công nghiệp Lâm Đốt với diện tích 140,0 ha.

d) Đất cụm công nghiệp

Đẩy mạnh tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng các cụm công nghiệp, thúc đẩy phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề; đầu tư nâng cao năng lực, đổi mới trang thiết bị hiện có, tạo điều kiện tốt để có thể cạnh tranh khi tham gia hội nhập khu vực. Với phương hướng phát triển như trên thì trong những năm tới nhu cầu sử dụng đất cụm công nghiệp tăng lên 30 ha.

e) Đất thương mại dịch vụ

Để đảm bảo sự phát triển thương mại dịch vụ của huyện trong thời gian tới cùng với những lợi thế thuận lợi, trong những năm tới cần đầu tư xây dựng các công trình sau: khu du lịch nước nóng A Roàng; khu du lịch sinh thái kết hợp trang trại khe Cầm Sâm (C5); khu du lịch sinh thái khe Conte; khu du lịch suối Pâr Le; khu du lịch thác A Nôr, khu du lịch sinh thái suối A Lin....

f) Đất cơ sở sản xuất kinh doanh

Trong những năm tới việc đầu tư cho sản xuất kinh doanh cũng được chú trọng, xây dựng các công trình: Bãi tập kết gỗ để sơ chế mặt bê tông, HTX LNBV Hương Phong (1,16 ha) tại xã Hương Phong; Trạm cấp nước A Đốt (1 ha); Trạm cấp nước A Roàng (0,4 ha); Bãi tập kết than tại xã Hồng Vân...

g) Đất phát triển hạ tầng

*** Đất giao thông**

Định hướng phát triển mạng lưới giao thông đường bộ của huyện, trong những năm tới đi đôi với việc cải tạo, nâng cấp các tuyến đường hiện có và đầu tư xây dựng thêm các tuyến mới phục vụ phát triển kinh tế, mở rộng khu đô thị, cụm công nghiệp và phát triển các khu dân cư nông thôn. Các tuyến giao thông sau: Đường giao thông vào Trung tâm thể dục thể thao huyện A Lưới (Đường nội thị từ đường Hồ Chí Minh đi cầu Hồng Quảng giai đoạn 2) tại thị trấn A Lưới-xã Quảng Nhâm; Đường 74 tại xã A Roàng, Đường tránh Hồ Chí Minh từ Hồng Thượng đi Hồng Kim...Bổ sung thêm các tuyến đường giao thông nội thị, nội thôn, đường sản xuất, đường dân sinh,... trên địa bàn 18 xã và thị trấn A Lưới.

*** Đất thủy lợi**

Đầu tư phát triển hệ thống thủy lợi theo hướng đa mục tiêu, vừa đảm bảo điều tiết nguồn nước, hạn chế lũ lụt vào mùa mưa, ngăn mặn và cung cấp nước ngọt vào mùa khô cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và sinh hoạt.

Xây mới hệ thống thủy lợi vùng cao theo hướng đa mục tiêu. Hoàn thành kiên cố hóa hệ thống đê kè, đê bao nội đồng; tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống đập dâng, hệ thống hồ chứa đầu nguồn kết hợp với thủy điện ở những nơi có điều kiện nhằm tăng lượng nước dự trữ phục vụ sản xuất và đời sống dân cư, đồng thời cung ứng thêm điện, đẩy mặn trong mùa khô hạn và giảm bớt lũ trong mùa mưa.

** Đất công trình năng lượng*

Trong những năm tới hệ thống cấp điện của huyện cần được cải tạo, mở rộng, nâng cấp để tăng khả năng truyền tải phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế của ngành. Phối hợp phát triển hệ thống truyền tải điện 220KV công trình quốc gia phân bổ.

** Đất công trình bưu chính viễn thông*

Dự kiến đến năm 2030 xây dựng các công trình: Bưu điện văn hóa xã tại xã Hồng Thái, Mở rộng bưu điện xã Hồng Kim.

** Đất cơ sở văn hóa*

Xây dựng đồng bộ hệ thống các thiết chế văn hóa - thông tin, từng bước hiện đại hoá hệ thống thiết chế văn hoá. Đến năm 2030 xây dựng các công trình: Nhà văn hoá thị trấn A Lưới, Nhà văn hoá xã Hồng Kim, Làng văn hóa truyền thống các DTTS tại huyện A Lưới, Nhà văn hóa truyền thống thôn A Hươ Pa E tại xã Quảng Nhâm...

** Đất cơ sở giáo dục*

Hoàn thành kiên cố hoá hệ thống trường lớp, ưu tiên tầng hóa các cơ sở giáo dục ở vùng thấp. Xây dựng hệ thống trường đạt chuẩn Quốc gia.

Đến năm 2030 diện tích đất cơ sở giáo dục tăng để xây dựng các công trình: Mở rộng trường mầm non Phú Vinh, Xây dựng mới trường mầm non Hoa Phong Lan...

** Đất cơ sở thể dục thể thao*

Phát triển thể thao quần chúng tại huyện, tập trung đầu tư xây dựng sân vận động ở trung tâm huyện, các xã, thị trấn.

Đến năm 2030 diện tích đất cơ sở thể dục thể thao tăng để xây dựng các công trình sau: Trung tâm thể dục thể thao huyện A Lưới tại xã Quảng Nhâm (0,58 ha); Mở rộng sân vận động xã Lâm Đốt (0,35 ha); Nhà thi đấu đa năng tại xã Hồng Thủy (0,74 ha)...

** Đất chợ*

Ưu tiên phát triển chợ biên giới cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu, chợ trung tâm cụm xã đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa và giao lưu văn hóa giữa các dân tộc.

h) Đất có di tích lịch sử văn hóa

Khoanh vùng bảo vệ các điểm di tích: Khu di tích lịch sử Quốc gia Động Tiên Công tại xã Hồng Kim; Đồi A Bia và Động So tại xã Hồng Bắc; Sân bay A So tại xã Đông Sơn; Bia di tích lịch sử tại xã Hồng Vân.

Đến năm 2030 diện tích đất có di tích lịch sử văn hóa tăng để xây dựng các công trình: Địa đạo A Đon, Di tích Dốc Mèo - trọng điểm đường B45, Chỉ huy Sở Binh tạm 42 tại Địa đạo thôn A Lê Ninh (Địa đạo Động So-A Túc)...

i) Đất bãi thải, xử lý chất thải

Đến năm 2030 diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải tăng để xây dựng các công trình: Bãi rác Đông Sơn, Bãi trung chuyển rác xã Hồng Bắc, Bãi rác thải của xã (Tiểu khu 283) xã Hồng Hạ...

II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội

2.1.1. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Phát triển toàn diện kinh tế - xã hội theo hướng nông nghiệp - dịch vụ - công nghiệp (Với tỷ trọng nông nghiệp chiếm 45%, dịch vụ chiếm 35% và công nghiệp chiếm 20%), trở thành vùng kinh tế động lực phía Tây của tỉnh, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững, gắn công tác giảm nghèo bền vững với xây dựng nông thôn mới, phát triển đô thị văn minh, nâng cao hiệu quả bảo tồn, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc, giữ vững quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế chủ yếu giai đoạn 2021-2025:

a) Các chỉ tiêu về kinh tế:

- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025: trên 40 triệu đồng/người/năm;
- Tổng đầu tư toàn xã hội bình quân trên 850 tỷ đồng/năm;
- Thu ngân sách đến năm 2025 đạt 40 tỷ đồng;
- Tổng diện tích gieo trồng bình quân hàng năm 5.800 ha;
- Sản lượng lương thực có hạt 17.500 tấn. Tổng đàn gia súc 25.500 con, tổng đàn gia cầm 170.000 con;
- Diện tích nuôi trồng thủy sản 242 ha, sản lượng 820 tấn.

b) Các chỉ tiêu về văn hoá xã hội:

- Tăng 01 đến 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới;
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề 40%. Tạo việc làm mới từ 300 đến 500 lao động/năm. Đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 50 lao động/năm;
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đến năm 2025: 1,48%. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng dưới 10%;
- Số đơn vị, thôn, tổ dân phố và gia đình đạt chuẩn văn hóa: từ 90% trở lên;
- Tỷ lệ huy động học sinh đến trường: trẻ từ 1-2 tuổi: 48%, trẻ từ 3-4 tuổi: 98,5%, trẻ 5 tuổi: 100%, tiểu học: 99,8%, học sinh trung học cơ sở : 97%, học sinh Trung học phổ thông hoặc tương đương: 78,5%, có trên 85% trường học đạt chuẩn quốc gia.

c) Các chỉ tiêu về môi trường:

- Tỷ lệ che phủ rừng: trên 75%;
- Tỷ lệ dân số sử dụng nước hợp vệ sinh trên 98%, trong đó nước sạch 80%;
- Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn trên 95%; chất thải y tế được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.

(Nguồn: Nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của huyện A Lưới)

2.1.2. Chỉ tiêu quy hoạch phát triển các ngành kinh tế

a) Khu vực kinh tế nông nghiệp

Tập trung chỉ đạo việc thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp, đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, phát triển nông nghiệp hữu cơ; phát triển dịch vụ và ngành nghề nông thôn; chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp gắn với nâng cao giá trị trên một đơn vị diện tích. Thúc đẩy phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; tập trung phát triển cây trồng, vật nuôi chủ lực có lợi thế; quan tâm ứng dụng công nghệ cao.

Phát huy hiệu quả cánh đồng mẫu; tăng năng suất cây chuỗi hàng hóa, mở rộng loại hình cây dược liệu tập trung. Quy hoạch và thực hiện phát triển kinh tế trang trại, gia trại.

Duy trì diện tích nuôi trồng thủy sản, hình thành các mô hình thủy sản theo hình thức thâm canh, sản lượng 820 tấn, phát triển nuôi cá lồng khu vực lòng hồ thủy điện, phát triển nông nghiệp kết hợp du lịch để du khách tham quan. Xây dựng phương án sản xuất 15 ha đất cho người dân tại khu tái định cư thủy điện A Lưới.

b) Khu vực kinh tế thương mại - dịch vụ, du lịch

Chú trọng phát triển thương mại, dịch vụ trên tuyến đường Hồ Chí Minh, khai thác kinh tế các cửa khẩu. Đa dạng hóa các loại hình du lịch. Khai thác có hiệu quả chợ Bớt Đỏ, chợ trung tâm A Lưới. Triển khai xây dựng Điểm sinh hoạt cộng đồng của đồng bào dân tộc thiểu số vùng cao A Lưới, là nơi trao đổi, giao thương các mặt hàng nông sản, đặc sản của đồng bào các dân tộc thiểu số, duy trì phiên chợ vùng cao A Lưới nhân dịp các sự kiện lịch sử, các ngày lễ lớn của quê hương, đất nước. Cùng với phát triển chợ, hệ thống cửa hàng thương mại, siêu thị mini, cần quan tâm đầu tư, khuyến khích các hộ dân ở các trục đường chính, khu vực đông dân cư đầu tư, phát triển hệ thống cửa hàng bán lẻ, giúp nâng cao khả năng cung ứng và tiêu thụ hàng hóa, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, thúc đẩy trao đổi hàng hóa. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư, tái đầu tư kinh doanh dịch vụ, nhất là những dịch vụ còn thiếu và yếu như khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng.

Xây dựng Đề án “Phát triển du lịch huyện A Lưới giai đoạn 2021 - 2025”. Tích cực hơn nữa trong việc quảng bá, xây dựng hình ảnh nhằm thu hút đầu tư du lịch và phát triển một số trọng điểm du lịch như: Cụm du lịch sinh thái thác A Nô, A Lin, suối Parle, điểm du lịch nước nóng A Roàng, rừng nguyên sinh, cụm di tích đồi A Bia - địa đạo Động So - A Túc, Khu bảo tồn Sao La... Thúc đẩy việc thực hiện xây dựng tượng đài chiến thắng A Biah. Phát triển du lịch văn hóa truyền thống dân tộc, du lịch cộng đồng. Tổ chức các hoạt động du lịch Lễ hội dân tộc đặc sắc, vận động nhân dân tham gia làm du lịch, tạo sản phẩm du lịch đặc trưng cho A Lưới. Mở rộng loại hình du lịch Homestay, Farmstay.

Xây dựng kế hoạch phối hợp triển khai thực hiện một số hạng mục hỗ trợ du lịch cộng đồng A Lưới theo chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng

trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025 và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ các địa phương biên giới phát triển du lịch kết hợp với bảo tồn văn hóa dân tộc thiểu số giai đoạn 2020 - 2025.

Nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, chất lượng dịch vụ phục vụ khách du lịch. Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch phát triển du lịch A Lưới trong liên kết hợp tác phát triển du lịch trên tuyến đường Hồ Chí Minh qua các huyện Đông Giang, Nam Giang, Tây Giang (Quảng Nam) và huyện A Lưới (Thừa Thiên Huế).

c) Khu vực kinh tế công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Đẩy mạnh phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội. Phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế về tài nguyên, nguồn nguyên liệu, thu hút lao động. Chú trọng phát triển công nghiệp nông thôn, các ngành nghề truyền thống.

Tranh thủ các doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy chế biến nguyên liệu gỗ rừng trồng nhằm giải quyết việc làm cho nhân dân. Mở rộng mạng lưới cấp nước - cấp điện sinh hoạt, khai thác hợp lý các mỏ đá, cát, cao lanh đã được cấp phép, đảm bảo vật liệu xây dựng trên địa bàn. Mở rộng mạng lưới sản xuất gạch không nung phục vụ nhu cầu xây dựng. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông, lâm sản. Đẩy mạnh xúc tiến kêu gọi đầu tư vào Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Kon Tôm tại xã Hồng Thượng. Phần đầu tỷ lệ lấp đầy đạt trên 50%.

Khuyến khích phát triển các cơ sở cơ khí, may mặc, sản xuất hàng tiêu dùng. củng cố, phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, nghề truyền thống như dệt Dèng, mộc dân dụng – mộc mỹ nghệ, đan lát mây tre. Tiếp tục xây dựng đề án khôi phục và phát triển nghề truyền thống huyện A Lưới giai đoạn 2020 - 2025; xây dựng và hoàn chỉnh hồ sơ trình tỉnh công nhận 03 làng nghề dệt dèng truyền thống gồm thị trấn A Lưới, A Ngo và A Roàng. Triển khai đề tài khoa học cải tiến hoa văn trên chất liệu vải Dèng.

Củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hợp tác xã. Tạo điều kiện đẩy mạnh phát triển kinh tế hộ, kinh tế vườn, kinh tế trang trại và các hình thức hợp tác khác. Phần đầu đến năm 2025, toàn huyện có trên 30 hợp tác xã, trên 20 tổ hợp tác. Vận động chuyển đổi từ 5-10 hộ kinh doanh có quy mô lớn hoạt động theo loại hình doanh nghiệp.

2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng

2.2.1. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

+ Nhu cầu đất nông nghiệp

***Đất trồng cây hàng năm**

Với định hướng phát triển trồng cây ăn quả trở thành thương hiệu đặc sản của huyện đồng thời tạo được nguồn thu nhập cho người dân, nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất từ đất rừng sản xuất và đất trồng cây hàng năm khác sang đất trồng cây lâu năm là 632,10 ha, tập trung ở các xã Quảng Nhâm, Hồng Thủy, Lâm Đót, Hồng Thái, Hồng Vân, Hồng Hạ...

*** Đất nông nghiệp khác**

Với định hướng phát triển huyện A Lưới trong phương án Điều chỉnh quy hoạch dự kiến bổ trí thêm 90,49 ha nhằm thực hiện dự án: vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ, các vùng sản xuất rau, hoa công nghệ cao, các trang trại chăn nuôi trên địa bàn huyện.

+ Nhu cầu đất phi nông nghiệp

Trong quá trình phát triển cần ưu tiên phát triển du lịch, thương mại dịch vụ, các ngành tiêu thủ công nghiệp có khả năng khai thác tiềm năng sẵn có, xây dựng cơ sở hạ tầng có tính đến quá trình đô thị hoá về mọi mặt nhằm sử dụng có hiệu quả quỹ đất. Huy động mọi nguồn lực của xã hội, bảo đảm lợi ích hợp lý để thu hút các nhà đầu tư, kể cả các nhà đầu tư nước ngoài. Đất ở phải được bố trí tập trung, cân đối trên cơ sở mở rộng khu dân cư cũ hoặc phát triển khu dân cư mới, nhưng phải mỹ quan và thuận tiện cho sản xuất. Xây dựng cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng phải đồng bộ, tiết kiệm đất, kết hợp cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế và phục vụ đời sống văn hoá xã hội của nhân dân. Trong đó:

- Đất quốc phòng

Với mục tiêu nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về quốc phòng; tăng cường sức mạnh quốc phòng cả về tiềm lực và thế trận; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng. Dự kiến trong giai đoạn Điều chỉnh quy hoạch 2021 -2030 nhu cầu tăng dành cho mục đích đất quốc phòng là 131,82 ha.

- Đất an ninh

Nhằm đáp ứng mục tiêu đảm bảo tốt công tác an ninh chính trị và trật tự xã hội, đặc biệt là tại các khu vực dân cư, đô thị, đồng thời kết hợp chặt chẽ giữa an ninh và trật tự xã hội với xây dựng chính quyền cơ sở của huyện vững mạnh, giảm các tệ nạn xã hội,... Trong phương án Điều chỉnh quy hoạch dự kiến bổ trí thêm 6,07 ha để phục vụ cho việc đầu tư xây dựng mới một số công trình như: trụ sở công an các xã, thị trấn, trụ sở công an phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn.

- Đất khu công nghiệp

Đến năm 2030 sẽ huy động mọi nguồn lực, tạo môi trường đầu tư thuận lợi để phát triển hạ tầng Khu công nghiệp (140 ha) trong Khu kinh tế cửa khẩu A Đớt.

- Đất cụm công nghiệp

Khuyến khích phát triển nghề và làng nghề mới có giá trị sản xuất cao, tạo việc làm cho nhiều lao động. Gắn phát triển sản xuất nghề và làng nghề với phát triển các cơ sở sản xuất; chú trọng xử lý ô nhiễm môi trường trong làng nghề, loại bỏ những nghề gây ô nhiễm môi trường. Trong kỳ Điều chỉnh quy hoạch, nhu cầu đất cụm công nghiệp dự kiến bổ trí 30 ha để đầu tư hạ tầng *Cụm công nghiệp tại xã Hồng Thượng 30 ha (gần khu tái định cư).*

- Đất thương mại, dịch vụ

Đến năm 2030, dự kiến thực hiện một số các khu du lịch sinh thái, khu du lịch cộng đồng có quy mô tạo điểm nhấn cho huyện như *Khu du lịch Thác A Nôr, Khu du lịch sinh thái tại A Nôr kết hợp mô hình Homestay làng Việt Tiến, Khu du lịch sinh thái đầu nguồn A Lin, Khu du lịch sinh thái lòng hồ thủy điện A Lin, Khu du lịch A Roàng ...* Để đáp ứng các mục tiêu trên, dự kiến nhu cầu đất thương mại dịch vụ trong kỳ Điều chỉnh quy hoạch tăng 78,48 ha.

- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp

Trong kỳ Điều chỉnh quy hoạch dự kiến bố trí 17,95 ha cho các công trình dự án như: *Bãi tập kết gỗ để sơ chế mặt bê tông thuộc HTX LNBV xã Hương Phong, Xây dựng lò giết mổ gia súc tập trung A Đót, Điểm sản xuất kinh doanh ở xã Phú Vinh, Điểm sản xuất kinh doanh ở xã Hồng Vân, xã Sơn Thủy, Bể chứa nước xã Đông Sơn, Lâm Đót, A Roàng...*

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản

Trong phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất dự kiến bố trí thêm 123,30 ha để thực hiện các công trình dự án khai thác khoáng sản: *Mỏ đất ở Hồng Kim (20 ha), Mỏ đất ở Trung Sơn (30 ha), Mỏ đất ở Sơn Thủy (40 ha), Dự án khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại khu vực cụm 2 ở Thị trấn A Lưới (10,6 ha), Mỏ khoáng sản tại xã Hồng Thủy...*

- Đất sản xuất làm vật liệu xây dựng, làm đồ gốm

Trong phương án quy hoạch dự kiến bố trí thêm 23,87 ha để thực hiện một công trình dự án: *Đất sản xuất vật liệu làm đồ gốm... để phục vụ nhu cầu dự án trên địa bàn huyện.*

- Đất phát triển hạ tầng

Trong kỳ Điều chỉnh quy hoạch dự kiến bố trí 493,54 ha để thực hiện các công trình giao thông, thủy lợi, văn hóa, giáo dục... Cụ thể như sau:

***Đất giao thông:**

Với định hướng xây dựng hệ thống giao thông đồng bộ, kết nối liên hoàn các tuyến giao thông nội thị với các tuyến giao thông liên huyện liên tỉnh. Chính trang mở rộng và hoàn thiện hệ thống giao thông cũ, xây dựng hệ thống giao thông mới theo các quy hoạch đã được phê duyệt. Trong phương án Điều chỉnh quy hoạch dự kiến bố trí thêm 327,21 ha để xây dựng mới và mở rộng các công trình: *Đường khe bùn từ đường Hồ Chí Minh từ Hồng Kim đi Hồng Thượng, Nâng cấp, mở rộng tỉnh lộ 20 từ UBND xã đến giáp xã Hồng Bắc, Đường từ Tỉnh Lộ 20 đến trụ sở UBND xã Nhâm cũ, Dự án: Hệ thống đường giao thông (đường nội thị từ đường Hồ Chí Minh đi cầu Hồng Quảng giai đoạn 2, nâng cấp mở rộng đường nội thị Kim Đông, đường nội thị A Sáp và đường Hồ Huấn Nghiệp) huyện A Lưới, Mở rộng tuyến đường QL49 đoạn từ NPĐ Sơn Thủy về Bót Đỏ, Nâng cấp tuyến đường nội đồng đường Hồ Chí Minh đi thôn Vinh Lợi, Đường vào điểm du lịch suối Parle, Các tuyến đường quốc phòng...*

*** Đất thủy lợi:**

Trong phương án Điều chỉnh quy hoạch dự kiến bổ trí thêm 21,26 ha để thực hiện một số công trình dự án như: *Kè chống sạt lở thôn Pa Hy- PaRing Câm Sâm, Thủy lợi khe Chaih, Kè chống sạt lở cánh đồng Câm Đôm B, Kè chống sạt lở nhánh tả bờ sông Tà Rình, Hồ A Tia, các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện...*

*** Đất văn hóa:**

Trong phương án Điều chỉnh quy hoạch dự kiến bổ trí thêm 37,08 ha để thực hiện một số công trình: *Nhà văn hóa xã Hương Nguyên, Xây dựng mới nhà văn hóa xã Quảng Nhâm, Nhà văn hóa truyền thống thôn A Hwor Pa E xã Quảng Nhâm, Nhà văn hóa thị trấn A Lưới, Làng văn hoá truyền thống các DTTS tại xã Hồng Thượng...*

*** Đất giáo dục:**

Nhằm xây dựng hệ thống trường đạt chuẩn Quốc gia, nâng cao chất lượng giáo dục. Trong phương án Điều chỉnh quy hoạch dự kiến bổ trí thêm 5,23 ha để xây dựng mới và nâng cấp mở rộng các công trình giáo dục như: *Mở rộng trường mầm non Sơn Ca (giai đoạn 2) xã Hồng Kim, Xây dựng trường mầm non Hương Phong, Mầm non Hương Lâm, Xây dựng mới trường mầm non Hoa Phong Lan.*

*** Đất thể thao:**

Trong phương án Điều chỉnh quy hoạch dự kiến bổ trí thêm 4,53 ha để xây dựng mới và mở rộng các công trình thể dục thể thao như: *Nhà thi đấu đa năng xã Hồng Thủy, Mở rộng đất thể dục thể thao xã Lâm Đót, Mở rộng trung tâm TDTT huyện A Lưới...*

*** Đất công trình năng lượng:**

Trong phương án Điều chỉnh quy hoạch dự kiến bổ trí thêm 14,88 ha để thực hiện một số công trình dự án cấp tỉnh như *Hạ tầng kỹ thuật Trạm Kiểm soát Biên phòng Hồng Thái, Trạm Kiểm soát Biên phòng cửa khẩu Hồng Vân, Đường điện từ ngã ba Pâr Ay lên đầu nguồn suối Pâr Ay xã Hồng Thủy, Đường điện cụm Ấr Bả Nhâm xã Quảng Nhâm, Tuyến điện từ A Rom đến PaHy (đọc quốc lộ 49) xã Hồng Hạ...*

*** Đất bưu chính viễn thông:**

Trong phương án Điều chỉnh quy hoạch dự kiến bổ trí thêm 0,7 ha để thực hiện công trình dự án: *Bưu điện văn hóa xã Hồng Thái, Mở rộng bưu điện xã Hồng Kim.*

*** Đất di tích lịch sử văn hóa:**

Theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến năm 2030 thì trong thời gian tới cần khoanh vùng bảo vệ các di tích lịch sử như *Khu du tích lịch sử sinh thái đồi A Sirl (sân bay cũ), Địa đạo A Đôn, Di tích Dốc Mèo - trọng điểm đường B45...* Để phục vụ cho mục tiêu di tích lịch sử văn hóa dự kiến sẽ bổ trí 40,01 ha để thực hiện.

*** Đất bãi thải, xử lý chất thải:**

Trong phương án Điều chỉnh quy hoạch dự kiến bổ trí thêm 19,97 ha để thực hiện một công trình dự án như *Khu xử lý chất thải rắn Đông Sơn, huyện A Lưới (Hạng mục: Bãi chôn lấp rác), Bãi rác thải của xã (Tiểu khu 283), Bãi trung chuyển rác ở xã Trung Sơn và Hồng Bắc.*

*** Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng:**

Trong phương án quy hoạch dự kiến bổ trí thêm 41,13 ha để thực hiện một công trình dự án như *Khu nghĩa địa tập trung xã (Tiểu khu 283) xã Hồng Hạ, Mở rộng khu nghĩa địa xã Hương Nguyên, Nghĩa địa a Roàng, Nghĩa trang xã Đông Sơn, Nghĩa trang nhân dân huyện A Lưới ở xã Hồng Thượng...*

***Đất chợ:**

Trong phương án quy hoạch dự kiến bổ trí thêm 1,65 ha để thực hiện công trình dự án như *Chợ cửa khẩu biên giới Hồng Vân – Cô Tai.*

- Đất sinh hoạt cộng đồng:

Trong phương án Điều chỉnh quy hoạch dự kiến bổ trí thêm 0,88 ha để thực hiện công trình dự án như *Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Pa Hy xã Hồng Hạ, Mở rộng nhà SHCD thôn Ađeeng Par Liêng 2, Quy hoạch nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Ka Nôn 1...*

- Đất khu vui chơi giải trí công cộng:

Quyết tâm xây dựng huyện A Lưới trở thành huyện xanh sạch đẹp với định hướng là “Nông nghiệp, công nghiệp, văn hoá, du lịch, thương mại, dịch vụ.”. Vì vậy trong phương án điều chỉnh đến năm 2030 dự kiến bổ trí thêm 5,9 ha nhằm xây dựng các công viên, cây xanh cảnh quan, các khu vui chơi giải trí trên địa bàn các xã.

- Đất ở nông thôn:

Nhu cầu đất ở nông thôn thuộc các xã trên địa bàn huyện trong giai đoạn Điều chỉnh quy hoạch 2021 -2030 dự kiến là 133,85 ha, để thực hiện các dự án tái định cư, quy hoạch phân lô, đấu giá, đất tạo nguồn thu cho các xã.

- Đất ở tại đô thị:

Định hướng phát triển quy hoạch Thị trấn mở rộng là tập trung xây dựng phát triển tương xứng với vị trí có đầy đủ điều kiện văn hoá, du lịch, thương mại, dịch vụ. Với định hướng như vậy dự kiến đất ở tại đô thị trong giai đoạn Điều chỉnh quy hoạch 2021-2030 sẽ bổ trí thêm 22,57 ha cho các công trình, dự án như: *Quy hoạch đất ở Khu Cao Lanh, Quy hoạch đất ở đồng đất mía (tổ dân phố 6 giáp xã Quảng Nhâm), Quy hoạch đất ở phía Tây (mở rộng Quảng Nhâm), Quy hoạch đất ở hai bên đường A Sáp đi Nguyễn Văn Hoạch, Quy hoạch đất trụ sở cơ quan sang đất ở (3 vị trí), Đất ở xen ghép trên địa bàn thị trấn....*

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan:

Trong kỳ Điều chỉnh quy hoạch dự kiến nhu cầu sử dụng đất là 4,33 ha để thực hiện một số công trình dự án cấp như *Mở rộng Trụ sở HĐND & UBND xã Hồng Thủy, Xây dựng mới trụ sở UBND xã Quảng Nhâm, Mở rộng Trụ sở HĐND & UBND xã Hồng Vân, Quy hoạch đất trụ sở cơ quan Thị trấn A Lưới.*

Danh mục công trình dự án thực hiện trong Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện A Lưới (kèm theo phần Phụ lục)

2.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Bảng : Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất huyện A Lưới đến năm 2030

STT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2023		Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030		Tăng (+), giảm (-) (ha)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu %	Diện tích (ha)	Cơ cấu %	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN			114.850,01	100	114.850,01	100	
1	Đất nông nghiệp	NNP	108.527,45	94,49	107.445,51	93,55	-1.081,94
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.165,05	1,01	1.124,77	0,98	-40,28
<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>		<i>LUC</i>	<i>1.103,95</i>	<i>0,96</i>	<i>1.065,56</i>	<i>0,93</i>	<i>-38,39</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.234,17	1,07	1.120,26	0,98	-113,91
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.402,11	2,96	3.931,53	3,42	529,42
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	41.632,23	36,25	39.655,80	34,53	-1.976,43
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	15.416,25	13,42	17.156,55	14,94	1.740,30
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	45.443,71	39,57	44.363,17	38,63	-1.080,55
<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>		<i>RSN</i>	<i>26.888,51</i>	<i>23,41</i>	<i>26.666,85</i>	<i>23,22</i>	<i>-221,66</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	231,55	0,20	222,23	0,19	-9,325
1.8	Đất làm muối	LMU	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	2,41	0,00	92,90	0,08	90,49
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.382,76	4,69	6.524,48	5,68	1.141,72
2.1	Đất quốc phòng	CQP	139,78	0,12	273,60	0,24	133,82
2.2	Đất an ninh	CAN	0,93	0,00	7,00	0,01	6,07
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	0,00	0,00	140,00	0,12	140,00
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	0,00	0,00	30,00	0,03	30,00
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,52	0,00	79,00	0,07	78,48
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	25,62	0,02	43,47	0,04	17,85
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	17,40	0,02	140,70	0,12	123,30
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	21,19	0,02	45,06	0,04	23,87
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	3.562,47	3,10	4.038,14	3,52	475,67

2.9.1	Đất giao thông	DGT	710,41	0,62	1.036,73	0,90	326,32
2.9.2	Đất thủy lợi	DTL	84,27	0,07	102,01	0,09	17,74
2.9.3	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	16,93	0,01	52,58	0,05	35,65
2.9.4	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	6,54	0,01	7,00	0,01	0,46
2.9.5	Đất cơ sở giáo dục- đào tạo	DGD	46,61	0,04	50,00	0,04	3,39
2.9.6	Đất cơ sở thể dục thể thao	DTT	19,08	0,02	23,00	0,02	3,92
2.9.7	Đất công trình năng lượng	DNL	2.494,16	2,17	2.505,00	2,18	10,84
2.9.8	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,30	0,00	2,00	0,00	0,70
2.9.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.9.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	64,43	0,06	104,44	0,09	40,01
2.9.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	1,03	0,00	21,00	0,02	19,97
2.9.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,64	0,00	0,64	0,00	0,00
2.9.13	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	112,68	0,10	129,00	0,11	16,32
2.9.14	Đất xây dựng cơ sở khoa học-công nghệ	DKH	0,87	0,00	0,87	0,00	0,00
2.9.15	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.9.16	Đất chợ	DCH	3,52	0,00	3,87	0,00	0,35
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	12,19	0,01	12,52	0,01	0,33
2.12	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	0,10	0,00	6,00	0,01	5,90
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	442,64	0,39	544,90	0,47	102,26
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	92,09	0,08	107,01	0,09	14,92
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	23,15	0,02	26,54	0,02	3,39
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	5,14	0,00	7,18	0,01	2,04
2.17	Đất xây dựng trụ sở ngoại giao	DNG	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,51	0,00	0,51	0,00	0,00
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.020,10	0,89	1.004,35	0,87	-15,75
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	18,83	0,02	18,42	0,02	-0,41
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	939,80	0,82	880,01	0,77	-59,79
	Khu chức năng						
1	Đất khu công nghệ cao	KCN	-		-	-	
2	Đất khu kinh tế	KKT	10.184,00	8,87	10.184,00	8,87	0
3	Đất đô thị	KDT	1.426,46	1,24	1.426,46	1,24	0
4	Khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)	KNN	4.506,06	3,92	5.006,99	4,36	500,93
5	Khu lâm nghiệp (Khu vực	KLN	102.492,19	89,24	101.175,52	88,09	-102,49

	<i>rừng phòng hộ, đặc dụng, rừng sản xuất)</i>						
6	<i>Khu du lịch</i>	<i>KDL</i>		-			
7	<i>Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học</i>	<i>KBT</i>	15.416,25	13,42	17.156,55	14,94	-1.740,3
8	<i>Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)</i>	<i>KPC</i>			170	0,15	170
9	<i>Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)</i>	<i>DTC</i>					
10	<i>Khu thương mại - dịch vụ</i>	<i>KTM</i>	0,52		79	0,07	78,48
11	<i>Khu đô thị - thương mại - dịch vụ</i>	<i>KDV</i>					
12	<i>Khu dân cư nông thôn</i>	<i>DNT</i>	8.653,68	7,53	9.444,475	8,22	790,795
13	<i>Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn</i>	<i>KON</i>	7.810,98	6,80	9167,99	7,98	1.357,01

2.4. Tầm nhìn đến năm 2050

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải đảm bảo nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội một cách đồng bộ từ cấp xã, thị trấn lên đồng thời phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị A Lưới mở rộng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của huyện, tỉnh, phù hợp với quy hoạch kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành của tỉnh. Đồng thời Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tầm nhìn đến năm 2050 vừa có tính định hướng cho sự phát triển kinh tế xã hội vừa có tính dự báo mang tầm chiến lược cho sự phát triển bền vững nhu cầu sử dụng đất đai hợp lý tránh sử dụng thiếu khoa nguồn tài nguyên đất dẫn đến lãng phí và gây ô nhiễm nguồn tài nguyên không tái tạo này. Do đó huyện A Lưới tiếp tục phát huy các thế mạnh vốn có để từng bước đưa huyện trở thành huyện phát triển kinh tế mạnh cửa ngõ phía Tây của tỉnh. Để đạt được điều đó, quy hoạch tầm nhìn đến năm 2050 cần phải định hướng như sau:

2.4.1. Đất nông nghiệp:

- Đất trồng lúa: Quy hoạch các vùng sản xuất lúa chất lượng cao tập trung quy mô các xã, thị trấn. Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích đất lúa nước sang phục vụ cho các mục đích phi nông nghiệp để đảm bảo an ninh lương thực. Bên cạnh đó chuyển đổi một phần đất trồng lúa, màu năng suất thấp kém hiệu quả sang xây dựng và phát triển các vùng trồng rau an toàn, quả sạch (rau hoa công nghệ cao); các vùng trồng sinh vật cảnh; xây dựng, cải tạo vườn tạp thành vườn có giá trị kinh tế.

- Đất trồng cây lâu năm: Khai thác diện tích đất rừng sản xuất những vị trí thuận lợi đưa vào trồng cây ăn quả lâu năm đồng thời tiếp tục phát triển diện tích các mô hình cây ăn quả có giá trị cao ở các xã Quảng Nhâm, Lâm Đốt, Trung Sơn, A Roàng, Hồng Thượng... nếu mô hình có hiệu quả cần mạnh dạng định

hướng trồng cây ăn quả trong các trang trại tổng hợp, gia trại và phát triển sang các xã khác trên địa bàn huyện. Dự kiến rừng sản xuất chuyển sang quy hoạch trồng cây ăn quả tầm nhìn 2050 tầm 475 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản: huyện tiếp tục phối hợp với các sở, ban, ngành trong công tác quản lý bảo vệ hồ, ao, đầm không được san lấp, quản lý chặt chẽ không để xảy ra hoạt động san lấp ao, hồ trái phép trên địa bàn.

- Đất nông nghiệp khác: trang trại tổng hợp tiếp tục phát triển ở các xã như Quảng Nhâm, Hương Phong, ... Mỗi địa phương dự kiến phát triển thêm diện tích quy hoạch nông nghiệp khác, góp phần nâng cao đời sống và thu nhập cho người dân.

2.4.2. Đất phi nông nghiệp:

- Đất cụm công nghiệp: Đẩy mạnh tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng các cụm công nghiệp, thúc đẩy phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề; đầu tư nâng cao năng lực, đổi mới trang thiết bị hiện có, tạo điều kiện tốt để có thể cạnh tranh khi tham gia hội nhập khu vực.

- Thương mại dịch vụ:

+ Để đảm bảo sự phát triển thương mại dịch vụ của huyện trong thời gian tới cùng với những lợi thế thuận lợi, trong những năm tới cần đầu tư xây dựng mở rộng các công trình sau: khu du lịch nước nóng A Roàng; khu du lịch sinh thái kết hợp trang trại khe Cấn Sâm (C5); khu du lịch sinh thái khe Conte; khu du lịch suối Pâr Le; khu du lịch thác A Nôr; khu du lịch PiLo, Farmstay Cấn Tôm và Homestay xã Hồng Hạ, khu du lịch sinh thái đầu nguồn A Lin, Khu du lịch sinh thái suối Cấn Tôm (Khe Kiên).

+ Các tuyến đường dọc 2 bên đường Hồ Chí Minh cần ưu tiên phát triển thương mại, dịch vụ, xây dựng khách sạn, nhà nghỉ thu hút lượng khách du lịch trong và ngoài nước đến tham quan và nghỉ dưỡng.

+ Thường xuyên tổ chức các hoạt động du lịch lễ hội dân tộc đặc sắc, tạo sản phẩm du lịch đặc trưng cho A Lưới.

- Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: Tiếp tục, đầu tư phát triển đất sản xuất kinh doanh tại các xã như: Lâm Đót, A Roàng, Hồng Vân, Hương Phong...

- Đất phát triển hạ tầng:

+ Đất giao thông: tăng thêm khoảng 200 ha

Định hướng phát triển mạng lưới giao thông đường bộ của huyện, trong những năm tới đi đôi với việc cải tạo, nâng cấp các tuyến đường hiện có và đầu tư xây dựng thêm các tuyến mới phục vụ phát triển kinh tế, mở rộng khu đô thị, cụm công nghiệp và phát triển các khu dân cư nông thôn.

Bổ sung thêm các tuyến đường giao thông nội thị, nội thôn, đường sản xuất, đường dân sinh, ... trên địa bàn 18 xã và thị trấn A Lưới.

+ Đất cơ sở giáo dục: Hoàn thành kiên cố hoá hệ thống trường lớp, ưu tiên nâng cấp các cơ sở giáo dục ở vùng thấp. Xây dựng hệ thống trường đạt chuẩn Quốc gia.

+ Đất cơ sở thể dục thể thao: Phát triển thể thao quần chúng tại huyện, tập trung đầu tư xây dựng sân vận động ở trung tâm huyện, các xã, thị trấn.

- Đất ở nông thôn: Giữ lại hệ thống các khu dân cư trên địa bàn huyện. Phát triển các khu dân cư mới, dự kiến sau năm 2030 quy hoạch thêm đất ở thêm tầm 50-100 ha.

- Đất ở đô thị: Đô thị A Lưới được tập trung xây dựng phát triển tương xứng với vị trí một trung tâm hành chính văn hoá, du lịch, thương mại, dịch vụ, trung tâm giáo dục - y tế. Phát triển các khu dân cư mới ở các xã thị trấn mở rộng như Sơn Thủy, A Ngo, Hồng Thượng, Hồng Thái,...

- Đất chưa sử dụng: tận dụng tối đa nguồn đất chưa sử dụng đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng cho các mục đích nông nghiệp và phi nông nghiệp.

